

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HS-ST

Ngày 27 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi;

Ông Đoàn Văn Đây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Thời Vũ - Kiểm sát viên.

Từ ngày 19 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019, đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Tiến L, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1977 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Số A, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kỹ sư; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L (chết) và bà Huỳnh Thị L; có vợ tên Lê Thị Cẩm V (đã ly hôn) và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 06-12-2017 đến nay tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L: Ông Nguyễn Văn M, Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường V, Khu phố U, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở Qu;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Quốc lộ Q, ấp Qu, xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là tổ chức:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B Việt Nam;

Địa chỉ: Số M, phố H, quận H, thành phố Hà Nội.

1.1. *Người đại diện theo ủy quyền liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6598616/HĐTD ngày 07/4/2017 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (văn bản ủy quyền số: 438/QĐ-QLRR ngày 20/02/2018):* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Thanh Bình thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Đồng Nai.

Địa chỉ: Đường C, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

1.2. *Người đại diện theo ủy quyền liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 180/2017/10440832/HĐTD ngày 10/11/2017 với Nguyễn Tiến L và Lê Thị Cẩm V (văn bản ủy quyền số: 482/B.BHO-P.QLNB ngày 20/12/2018):* Bà Bùi Thị Tuyết M, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý nội bộ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B.

Địa chỉ: Đường C, Khu phố W, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Ngân hàng H;

Địa chỉ: Đường Ng, phường Tr, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 241/QĐ-CNDN ngày 19/12/2018): Ông Võ Đức B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng H - Chi nhánh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 1A, đường Ng, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;

Địa chỉ: Số N, phố Tr, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 947/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 07/11/2016): Ông Dương Hoài S, chức vụ: Phó Trưởng phòng

Tổ chức hành chính thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh K;
có mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Xã lộ H, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (đã ngừng hoạt động);

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Tiến L, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số A, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (đã ngừng hoạt động);

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Tiến L, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số A, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Công ty Trách nhiệm hữu hạn M;

Người đại diện theo pháp luật: Vũ Như Y, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Đường Đ, Khu phố W, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (đã ngừng hoạt động);

Người đại diện theo pháp luật: Lý Thiện Kh, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Đường H, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Địa chỉ: Phố L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số:7373/GUY-NHNN ngày 18/9/2019):

1/ Ông Phạm Quốc B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đ; có mặt tại phiên tòa;

2/ Ông Lê Xuân H, chức vụ: Phó Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đ; có mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Đường 3, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân:*

1. Vũ Sơn L, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố E, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh L, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú: Đường Ng, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Căn hộ B, Chung cư A, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh L: Bà Trần Thị Minh Kh, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thị Minh Kh- Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường H, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Trần Minh Tr, sinh năm 1987; cư trú tại: Khu phố Q, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Phạm Trường Ng, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: Số B, Khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Số A, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Ngô Quang Th, sinh năm 1984; cư trú tại: Đường Qu, ấp Qu, xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Đặng Hoàng M, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Tổ T, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum; cư trú tại: Ấp Qu, xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ngô Thị Ánh T, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: Khu phố T, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Ấp Qu, xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Hà Hồng V, sinh năm 1988; cư trú tại: Khu phố D, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1989; cư trú tại: Đường Qu, ấp Qu, xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

10. Ngô Thị Ánh D, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp Qu, xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

11. Võ Hữu Qu, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp C, xã C, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

12. Phạm Nhựt Qu, sinh năm 1988 (chồng Nguyễn Hà Hồng V); nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố D, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Nhựt Qu: Bà Trần Thị Minh Kh, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thị Minh Kh -

Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường H, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn N, xã Th, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn đề nghị vắng mặt.

14. Vũ Phi B, sinh năm 1992; cư trú tại: Khu phố E, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

15. Vũ Đại Tr, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ E, Khu phố E, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

16. Lư Thị Trương V, sinh năm 1986 (vợ Lê Thanh L); nơi đăng ký thường trú: Số E, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Căn hộ B, Chung cư A, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

17. Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố R, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

18. Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ H, Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

19. Tống Thị H, sinh năm 1982 (vợ ông Nguyễn Văn S); cư trú tại: Tổ H, Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tống Thị H (văn bản ủy quyền ngày 17/7/2019): Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ H, Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

20. Đặng Ngọc C, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp Q, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Ngọc C (văn bản ủy quyền ngày 17/7/2019): Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ H, Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

21. Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: Số A, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Tổ N, Khu phố Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Cẩm V: Ông Nguyễn Văn M, Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường V, Khu phố U, phường Tht, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

22. Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Số X, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Đường Ph, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

23. Vũ Như Y, sinh năm 1981 (chồng Nguyễn Thị Thanh Th); cư trú tại: Khu phố O, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

24. Văn Văn Ng, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Khu phố O, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai trong một vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

25. Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường E, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

26. Trần Duy Ph, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Tổ Q, Ấp U, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Đường Ng, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

27. Trịnh Thị Thu Tr, sinh năm 1985 (vợ Trần Duy Ph); cư trú tại: Tổ Q, Ấp U, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

28. Lê Thị D, sinh năm 1950 (mẹ Trịnh Thị Thu Tr); cư trú tại: Tổ Q, Ấp U, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

29. Châu Hoài V, sinh năm 1977 (chồng Hà Thị Thu Đ); nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; cư trú tại: Căn hộ số Z, Nhà A, Chung cư Ng, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

30. Phạm Hồng L, sinh năm 1952; cư trú tại: Thôn E, ấp B, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

31. Giáp Thị L (vợ Phạm Hồng L); cư trú tại: Thôn E, ấp B, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

32. Huỳnh Thị Quế A, sinh năm 1981; cư trú tại: Hẻm M, Đường E, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

33. Lý Thiện Kh, sinh năm 1976 (chồng Huỳnh Thị Quế A); cư trú tại: Khu phố W, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

34. Nguyễn Thị D, sinh năm 1948, đại diện hợp pháp của Trần Gia H (chết ngày 25/9/2018) và Trương Thị Ngọc Tr (chết ngày 25/12/2017); cư trú tại: Tổ T, Ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

35. Hà Thị Thu Đ, sinh năm 1984 (vợ Châu Hoài V); nơi đăng ký thường trú: Số N, Khu phố U, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Căn hộ số Z, Nhà A, Chung cư Ng, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị Thu Đ: Bà Trần Thị Minh Kh, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thị Minh Kh - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường H, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

36. Phạm Đức D, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu phố E, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

37. Phạm Xuân Tr, sinh năm 1944 (cha Phạm Đức D); cư trú tại: Khu phố E, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Xuân Tr (văn bản ủy quyền ngày 05/7/2019): Ông Phạm Đức D, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu phố E, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

38. Phạm Thị C, sinh năm 1958 (mẹ Phạm Đức D); cư trú tại: Khu phố E, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

39. Lê Huỳnh Hồng K, sinh năm 1977; cư trú tại: Đường H, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

40. Bùi Quang T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp R, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

41. Trần Quốc T, sinh năm 1961; cư trú tại: Số A, Tổ I, Khu phố W, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

42. Lý Thị Xuân Ph, sinh năm 1965 (vợ Trần Quốc T); cư trú tại: Số A, Tổ I, Khu phố W, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

43. Huỳnh Thị L, sinh năm 1955 (mẹ bị cáo Nguyễn Việt L); nơi đăng ký thường trú: Đường G, Phường Q, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Căn hộ số A, Chung cư G, Đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

44. Nguyễn Kim Ch; cư trú tại: Khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

45. Mai Thị T; cư trú tại: Tổ T, khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

46. Trịnh Văn H (chồng Mai Thị T); cư trú tại: Tổ T, khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

47. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp Th, xã H, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

48. Bùi Kim Tr, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt tại phiên tòa.

49. Nguyễn Văn Trọng Kh, sinh năm 1982 (em bị cáo Nguyễn Viết L); nơi đăng ký thường trú: Số A, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Căn hộ số A, Chung cư G, Đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

50. Lê Văn Ch, sinh năm 1968 (bố vợ (cũ) của bị cáo Nguyễn Viết L); nơi đăng ký thường trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang; cư trú tại: Đường Ng, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

51. Nguyễn Viết Kh, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Đường số Z, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

52. Huỳnh Thị L, sinh năm 1957; cư trú tại: Số A, Đường E, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

53. Lý Thiện Tr, sinh năm 1978; cư trú tại: Khu phố S, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

54. Trà Phương Th, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp R, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

55. Ngô Thị N, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ Y, Khu phố E, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

56. Trần Thị Kim Ch, sinh năm 1990; cư trú tại: Tổ D, Khu phố W, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Kim Ch: Bà Trần Thị Minh Kh, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thị Minh Kh -

Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường H, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Điều tra viên:* Ông Lê Duy A, chức vụ: Điều tra viên thuộc Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Cơ cấu, tổ chức và hoạt động của Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở Qu:

Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở Qu (*sau đây viết tắt là QTD Qu*) là tổ chức tín dụng, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số: 036/GP-NHNN ngày 29/12/2009 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Đ, nội dung hoạt động: Nhận tiền gửi các tổ chức, cá nhân; vay vốn Quỹ Tín dụng Trung ương, các tổ chức tín dụng (trừ Quỹ tín dụng cơ sở); cho vay đối với các thành viên và ngoài thành viên theo quy định; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép. QTD Qu có trụ sở hoạt động tại địa chỉ ấp Qu, xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Về địa bàn hoạt động cho vay tại xã Qu và xã Gi thuộc huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. QTD Qu hoạt động từ tháng 10 năm 2010, Hội đồng quản trị có Nguyễn Tiến L, bà Huỳnh Thị L và ông Lý Thiện Tr (nghỉ việc vào năm 2012). L giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc - Phạm Nhựt Qu (nghỉ việc vào tháng 3/2017), Phó Giám đốc - Lê Thanh L, Thủ quỹ - Nguyễn Thị H (nghỉ việc vào tháng 5/2015), Thủ quỹ - Trần Thị Kim Ch (làm việc từ tháng 5/2015 đến nay) và Kế toán - Hà Thị Thu Đ. Đến tháng 3 năm 2017, Nguyễn Tiến L làm thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, còn bà Huỳnh Thị L làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát gồm: Ngô Thị N làm Trưởng ban và các thành viên Ngô Quang Th, Nguyễn Thị H và Trà Phương Th.

Nguồn vốn hoạt động được hình thành với số vốn điều lệ 2.039.750.000 đồng (hai tỷ không trăm ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đến năm 2015, được tăng lên 3.089.750.000 đồng (ba tỷ không trăm tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Danh sách có 15 thành viên góp vốn, nhưng thực tế chỉ có một mình L góp vốn là 427.554.000 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng), số tiền còn lại L lấy từ nguồn tiền của các khách hàng gửi tiết

kiệm tại QTD Qu; còn những người khác tại QTD Qu chỉ đứng tên để hợp pháp hóa hồ sơ. Mọi hoạt động của QTD Qu đều do L quyết định. Quá trình hoạt động của QTD Qu, không tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, nhưng L đã tự mình làm các Biên bản họp Hội đồng quản trị, để hợp thức hóa hoạt động của QTD Qu và đưa cho bà Huỳnh Thị L và ông Lý Thiện Tr ký vào các biên bản, để lưu vào hồ sơ.

Khi QTD Qu đi vào hoạt động, ban đầu, do không được sự tin tưởng của người dân nên gặp khó khăn trong vấn đề huy động tiền gửi tiết kiệm; L đã chủ trương tiến hành huy động tiền gửi với lãi suất cao từ 13% đến 17% tùy theo thời điểm và tùy theo khách hàng. Sau khi huy động được tiền gửi tiết kiệm của khách hàng, L chỉ đạo Kế toán và Thủ quỹ của QTD Qu, lập 02 hệ thống sổ sách kế toán (01 hệ thống báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước để đối phó khi bị kiểm tra, giám sát; còn 01 hệ thống báo cáo quản trị nội bộ tại QTD Qu). L còn chỉ đạo nhân viên lấy tiền gửi của khách hàng gửi sau, dùng để trả tiền lãi cho khách hàng gửi trước (tiền lãi, phần lớn cao hơn nội dung ghi trong sổ tiết kiệm); chi trả lương cho nhân viên QTD Qu; hoa hồng cho nhân viên, cộng tác viên trong hoạt động cho vay cũng như huy động tiền gửi; mua bảo hiểm các loại; đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; khiếu kiện dân sự; tiền thuê trụ sở; xây dựng, sửa chữa trụ sở; mua sắm phương tiện hoạt động của quỹ; du lịch cho cán bộ nhân viên quỹ hàng năm; tiền ăn hàng tháng, ăn uống, sinh nhật, từ thiện, đóng góp các khoản hoạt động xã hội; tiền phạt vi phạm giao thông; chi phí hoạt động trong làm thủ tục đăng ký thế chấp, xóa chấp; tiền điện thoại, chi văn phòng phẩm, mua sổ tiết kiệm, hóa đơn chứng từ; sửa chữa xe ô tô, viếng đám tang, dự đám cưới, thăm bệnh và nhiều khoản chi khác... dẫn đến không thu hồi được.

Từ năm 2010 đến ngày 04/12/2017, QTD Qu huy động tiền gửi tiết kiệm của khách hàng được số tiền 156.665.531.000 đồng (một trăm năm mươi sáu tỷ sáu trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng); trong đó, để ngoài hệ thống sổ sách kế toán không báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước là 529 sổ tiết kiệm của 233 khách hàng với số tiền là 137.147.620.000 đồng (một trăm ba mươi bảy tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng); để trong hệ thống sổ sách kế toán và có báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước là 104 sổ tiết kiệm của 69 khách hàng với số tiền là 16.817.911.000 đồng (mười sáu tỷ tám trăm mười bảy triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, L chỉ đạo nhân viên làm hợp đồng

vay của Ngân hàng H - Chi nhánh Đ số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), để hoạt động kinh doanh cho QTD Qu và hiện nay đang còn nợ.

Tại thời điểm ngày 04/12/2017:

- Tồn tại QTD Qu là 155.059.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- Có 382 khách hàng vay tín dụng tại QTD Qu còn dư nợ với tổng số tiền 20.366.431.000 đồng (hai mươi tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng).

- Số tiền còn lại trong các tài khoản gửi ở các Ngân hàng gồm:

- + Tài khoản số 201277759 của QTD Qu mở tại Ngân hàng H (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng C*) - Chi nhánh Đ là 7.082.809 đồng (bảy triệu không trăm tám mươi hai nghìn tám trăm không chín đồng);

- + Tài khoản số 67010000459378 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng B*) - Chi nhánh Đ (Phòng Giao dịch Th) là 193.243.703 đồng (một trăm chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm không ba đồng);

- + Tài khoản ngoại tệ số 67010370008871 tại Ngân hàng B - Chi nhánh Đ (Phòng Giao dịch Th) là 618,62 USD (tương đương số tiền là 14.113.815 đồng (mười bốn triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm mười lăm đồng);

- + Tài khoản số 201277759 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng A*) - Chi nhánh Đ (Phòng Giao dịch Tr) là 481.483 đồng (bốn trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng).

- L còn cho 26 khách hàng vay cầm cố sổ tiết kiệm (loại sổ tiết kiệm để ngoài hệ thống báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước), còn dư nợ với tổng số tiền 4.924.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm hai mươi bốn triệu đồng).

- Có khoảng 20 khách hàng vay tín dụng không có khả năng trả nợ, được L chỉ đạo nhân viên cho tắt toán hồ sơ vay, với tổng số tiền 247.619.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng), để chuyển ra vay ngoài nhằm che giấu việc nợ xấu; nhưng thực tế, khách hàng vẫn đóng tiền lãi và gốc khoản vay theo quy định.

Sau khi huy động được vốn, L rút tiền ra khỏi kho của QTD Qu, nhằm mục đích chiếm đoạt. L đã tự làm mẫu “*Giấy đề nghị tạm ứng*”, rồi L trực tiếp viết lên giấy trên và tự ký với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc

Giám đốc QTD Qu; sau đó, L đưa cho Phó Giám đốc, Kế toán và Thủ quỹ ký tên xác nhận, để L dễ dàng rút tiền ra khỏi kho quỹ.

2. Hành vi chiếm đoạt của Nguyễn Tiến L:

Từ năm 2011 đến năm 2017, L trực tiếp nhận tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản cá nhân của L, để sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau; L đã chiếm đoạt với tổng số tiền 70.165.120.823 đồng (bảy mươi tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm hai mươi ba đồng); gồm có:

- Trực tiếp chiếm đoạt 7.756.402.000 đồng (bảy tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng) trên 25 sổ tiết kiệm của 16 khách hàng;

- Số tiền 6.300.000.000 đồng (sáu tỷ ba trăm triệu đồng) vay tại các khoản vay của Ngân hàng C - Chi nhánh Đ;

- Số tiền 1.910.754.823 đồng (một tỷ chín trăm mười triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn tám trăm hai mươi ba đồng) của khách hàng tất toán các khoản vay;

- Số tiền tạm ứng rồi chiếm đoạt là 54.197.964.000 đồng (năm mươi bốn tỷ một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2.1. Hành vi chiếm đoạt của Nguyễn Tiến L có liên quan đến bất động sản:

- **Năm 2012:** Nguyễn Tiến L chiếm đoạt 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của QTD Qu, để mua thửa đất số 1042, tờ bản đồ 04, diện tích 1.376m², xã C, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được gọi tắt là giấy chứng nhận*) số AG 869737; L nhờ Vũ Sơn L (nhân viên QTD Qu) đứng tên giúp. Ngày 17/6/2016, L nhờ L dùng Giấy chứng nhận trên để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu tại Hợp đồng số: 220/HĐTD/2016, với số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện nay, thửa đất này được Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai kê biên theo Lệnh số: 23/LKB-PA92 ngày 15/8/2018.

- **Năm 2012:** Nguyễn Tiến L chiếm đoạt 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của QTD Qu, để mua thửa đất số 163, tờ bản đồ 22, diện tích 128m², xã Gi, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, có Giấy chứng nhận số BH 886755; L nhờ Lê Thanh L (nhân viên QTD Quảng Tiến) đứng tên giúp. Ngày 19/12/2016, L nhờ Thanh L dùng Giấy chứng nhận trên, để thế chấp vay lại

tiền của QTD Qu tại Hợp đồng số: 388/HĐTD/2016, với số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 10/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

- Từ năm 2013 đến năm 2014: Nguyễn Tiến L chiếm đoạt 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) của QTD Qu, để mua khu đất tại tờ bản đồ 50, xã X, huyện Th, tỉnh Đồng Nai; sau đó, tách thành nhiều thửa và nhờ người khác đứng tên, cụ thể:

1/ Năm 2014, L nhờ Vũ Sơn L (nhân viên QTD Qu), đứng tên giúp thửa đất số 42, tờ bản đồ 50, diện tích 1.018m², tại xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 196473. Ngày 20/7/2015, L nhờ Vũ Sơn L bảo lãnh và Trần Minh Tr dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp vay tiền tại QTD Qu tại Hợp đồng số: 202/HĐTD/2015, với số tiền vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 16/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

2/ Năm 2014, L nhờ Lê Thanh L (nhân viên QTD Qu), đứng tên giúp thửa đất số 44, tờ bản đồ 50, diện tích 1.002m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 210146. Ngày 30/10/2017, L nhờ Lê Thanh L bảo lãnh và Lê Phạm Trường Ng dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 62/HĐTD/2017, với số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 09/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

3/ Năm 2014, L nhờ Ngô Quang Th (nhân viên QTD Qu), đứng tên giúp thửa đất số 33 (được chỉnh lý thành số 41), tờ bản đồ 50, diện tích 1.024m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 196472. Ngày 23/11/2017, L nhờ Ngô Quang Th bảo lãnh và Đặng Hoàng M dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 68/HĐTD/2017, với số tiền vay là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 13/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

4/ Năm 2013, L nhờ bà Ngô Thị Ánh T đứng tên giúp thửa đất số 36, tờ bản đồ 50, diện tích 1.107m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 189295. Ngày 18/3/2015, L nhờ bà Ánh T dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 34/HĐTD/2015, với số tiền

vay là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 15/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

5/ Năm 2013, L nhờ bà Nguyễn Hà Hồng V (vợ của Phạm Nhựt Qu là nhân viên QTD Qu) đứng tên giúp thửa đất số 38, tờ bản đồ 50, diện tích 1.018m², xã X, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận số BQ 189297. Ngày 02/3/2015, L nhờ bà Hồng V dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu tại Hợp đồng số: 33/HĐTD/2015, với số tiền vay là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 12/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

6/ Năm 2013, L nhờ bà Nguyễn Thị Ngọc Th đứng tên giúp thửa đất 37, tờ bản đồ 50, diện tích 1.014m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 189296. Ngày 18/5/2015, L nhờ bà Ngọc Th dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 141/HĐTD/2015, với số tiền vay là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 11/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

7/ Năm 2013, L nhờ bà Ngô Thị Ánh D đứng tên giúp thửa đất số 33 (được chỉnh lý thành 40), tờ bản đồ 50, diện tích 5.224m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BP 103239. Ngày 04/10/2016, L nhờ Ngô Thị Ánh D bảo lãnh và Võ Hữu Qu dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 355/HĐTD/2016, với số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 14/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

8/ Năm 2014, L nhờ Phạm Nhựt Qu (nhân viên QTD Qu), đứng tên giúp thửa đất số 45, tờ bản đồ 50, diện tích 1.273,5m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 210145. Ngày 20/10/2016, L nhờ Phạm Nhựt Qu bảo lãnh và Nguyễn Thị H (nhân viên QTD Qu) dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 367/HĐTD/2016, với số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 08/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

9/ Năm 2013, L nhờ Vũ Phi B đứng tên giúp thửa đất số 39, tờ bản đồ 50, diện tích 1.034m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 189298.

Ngày 19/12/2016, L nhờ Phi B dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 387/HĐTD/2016, với số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 17/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

10/ Năm 2013, L nhờ Vũ Đại Tr đứng tên giúp thửa đất số 35, tờ bản đồ 50, diện tích 3.817,70m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BP 103241. Ngày 29/5/2015, L nhờ Đại Tr dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 147/HĐTD/2015, với số tiền vay là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 18/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

11/ Năm 2014, L nhờ Lư Thị Trương V (nhân viên Kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H) đứng tên giúp thửa đất số 43, tờ bản đồ 50, diện tích 1.078m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BQ 196474. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 20/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

12/ Năm 2013, L nhờ Nguyễn Ngọc Ch đứng tên giúp thửa đất số 34, tờ bản đồ 50, diện tích 4.637m², xã X, huyện Th, Giấy chứng nhận số BP 103731. Ngày 10/11/2014, L nhờ Ngọc Ch dùng Giấy chứng nhận này, để thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu theo Hợp đồng số: 130/HĐTD/2014, với số tiền vay là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 19/LKB-PA92 ngày 09/8/2018.

- Từ năm 2013 đến năm 2017: L chiếm đoạt 14.400.000.000 đồng (mười bốn tỷ bốn trăm triệu đồng) của QTD Qu, để mua đất, cụ thể:

1/ Năm 2013, L mua 02 lô đất có tổng diện tích là 10.688m² tại xã Vĩnh Tân, huyện V, tỉnh Đồng Nai của ông Nguyễn Văn S – bà Tống Thị H và bà Đặng Ngọc C với giá tiền là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Sau khi lập thủ tục, đã được cấp Giấy chứng nhận số BM 410069 và CĐ 064848 mang tên Nguyễn Tiến L; ông Nguyễn Văn S cho rằng phần diện tích 1.688m² nằm trong Giấy chứng nhận vẫn thuộc quyền sử dụng của ông S theo thỏa thuận riêng với L. Sau đó, L mang 02 Giấy chứng nhận trên, đến thế chấp tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B (Phòng Giao dịch Tr), để vay 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng). Hiện 02 thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên, cụ thể: Lệnh số: 02/LKB-PA92

ngày 29/3/2018 đối với Giấy chứng nhận số BM 410069 và Lệnh số: 03/LKB-PA92 ngày 29/3/2018 đối với Giấy chứng nhận số CĐ 064848.

2/ Năm 2013, L cho Lê Thị Cẩm V (vợ L đã ly hôn), mượn số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), để Cẩm V mua thửa đất số 123, tờ bản đồ số 5, diện tích 158,2m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp Giấy chứng nhận số BA 039493 mang tên Lê Thị Cẩm V; sau đó, Cẩm V đã xây nhà để sử dụng. Năm 2016, Cẩm V dùng Giấy chứng nhận này, bảo lãnh thế chấp, để L vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 04/LKB-PA92 ngày 06/8/2018.

3/ Năm 2013, L mua thửa đất số 162, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.542,1m² tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, với giá 6.200.000.000 đồng (sáu tỷ hai trăm triệu đồng). L nhờ Vũ Như I cùng vợ là Nguyễn Thị Thanh Th đứng tên trên Giấy chứng nhận số BN 210411. Đến ngày 20/6/2015, chuyển sang Nguyễn Tiến L đứng tên trên Giấy chứng nhận. Hiện Giấy chứng nhận này, Lầm đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Đ (Phòng Giao dịch Th), để vay 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) với danh nghĩa Công ty Trách nhiệm hữu hạn G. Đến tháng 7/2017, L tiếp tục thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất trên cho Văn Văn Ng (hiện Ng là bị can trong vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại Quỹ Tín dụng nhân dân T, Th, D), với giá tiền là 10.400.000.000 đồng (mười tỷ bốn trăm triệu đồng), L đã nhận từ Ng số tiền 3.400.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm triệu đồng). Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 01/LKB-PA92 ngày 29/3/2018.

4/ Năm 2015, L nhận chuyển nhượng 03 thửa đất tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có tổng diện tích là 1.258,9m², với số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), L nhờ Nguyễn Thị Trúc L đứng tên trên các Giấy chứng nhận số BU 699716, BU 699717 và BU 699718. Vào ngày 26/12/2016, L dùng 03 Giấy chứng nhận nêu trên, thế chấp, vay lại tiền của QTD Qu tại Hợp đồng số: 392/HĐTD/2016, với số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện các thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên, cụ thể: Lệnh số: 05/LKB-PA92 ngày 06/8/2018 (Giấy chứng nhận số BU 699716), Lệnh số: 06/LKB-PA92 ngày 06/8/2018 (Giấy chứng nhận số

BU 699717) và Lệnh số: 07/LKB-PA92 ngày 06/8/2018 (Giấy chứng nhận số BU 699718).

5/ Năm 2016, L nhận chuyển nhượng thửa đất số 276, tờ bản đồ số 06, diện tích 620m², xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai, với giá tiền là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), L nhờ Ngô Quang Th (nhân viên QTD Qu) và Nguyễn Thanh H (vợ Th đứng tên trên Giấy chứng nhận số BO 711878. Sau đó, Lăm chỉ đạo Ngô Quang Th làm hợp đồng cho QTD Qu thuê làm trụ sở, để hoạt động với giá thuê là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng. Năm 2016, L chỉ đạo Th - H dùng Giấy chứng nhận số BO 711878 nêu trên, để thế chấp vay 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng Vietinbank*) - Chi nhánh K (Phòng Giao dịch Tr). Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 25/LKB-PA92 ngày 15/8/2018.

- ***Từ năm 2013 đến năm 2015:*** L chiếm đoạt số tiền 11.967.443.000 đồng (mười một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng) của QTD Qu, thông qua việc thế chấp Giấy chứng nhận số BN 210411 của thửa đất số 162, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.542,1m² tọa lạc tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, để vay tiền. L đã nhiều lần nhờ Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (do Vũ Như I làm Giám đốc), dùng Giấy chứng nhận số BN 210411 nêu trên, đứng tên trên Hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đ (Phòng Giao dịch Th); sau đó, L đã nhiều lần dùng tổng số tiền là 26.231.000.000 đồng (hai mươi sáu tỷ hai trăm ba mươi một triệu đồng) của QTD Qu, để tất toán nhiều lần khoản vay trên cho Ngân hàng BIDV; và L cũng nhiều lần chuyển nộp lại cho Quỹ Tín dụng là 14.263.557.000 đồng (mười bốn tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu năm trăm năm mươi bảy đồng), để hợp thức hóa các khoản vay.

- ***Từ năm 2014 đến năm 2017, Nguyễn Tiến L đã chiếm đoạt tổng số tiền 835.000.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm triệu đồng) của QTD Qu, để tất toán các khoản vay hợp đồng tín dụng được thế chấp quyền sử dụng đất tại QTD Qu, để đưa ra vay ngoài, nhằm hợp thức hồ sơ vay, bao gồm:***

1/ Ngày 21/10/2011, Trần Duy Ph cùng Trịnh Thị Thu Tr vay tín dụng tại QTD Qu theo Hợp đồng tín dụng số: 162/HĐTD/2011, với số tiền vay là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và thế chấp bằng Giấy chứng nhận số AM 609634, của thửa đất số 466, tờ bản đồ số 24, diện tích 137m², xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai mang tên Lê Thị D (là mẹ của Tr là người đứng tên

bảo lãnh). Đến hạn hợp đồng, do không có khả năng trả nợ gốc và lãi theo quy định, nên L đã thỏa thuận cho Trần Duy Ph cùng Trịnh Thị Thu Tr mượn thêm 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), để tất toán khoản vay tín dụng. Ngày 06/6/2013, L thỏa thuận tiếp tục thế chấp bằng hình thức hợp đồng giả tạo, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho L; đồng thời, nhận thêm 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); L nhờ người đứng tên trên Giấy chứng nhận là Châu Hoài V và thỏa thuận khi trả hết tiền thì làm thủ tục chuyển nhượng lại. Hiện thửa đất này, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên theo Lệnh số: 22/LKB-PA92 ngày 15/8/2018.

2/ Ngày 29/6/2012, ông Phạm Hồng L cùng bà Giáp Thị L vay tín dụng tại QTD Qu theo Hợp đồng tín dụng số: 89/HĐTD/2012, với số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thế chấp bằng Giấy chứng nhận số X276212 của thửa đất số 397, tờ bản đồ số 35, diện tích 287,5m², xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Đến hạn hợp đồng, do không có khả năng trả nợ gốc và lãi theo quy định, nên L đã thỏa thuận cho ông L mượn 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), để tất toán khoản vay tín dụng. Ngày 17/10/2014, L thỏa thuận tiếp tục thế chấp bằng hình thức hợp đồng giả tạo, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho L. Thửa đất số 397 nêu trên được cấp mới là Giấy chứng nhận số BV 086322 ngày 17/10/2014, thửa đất mới số 449, tờ bản đồ mới số 39, diện tích 287,5m² tọa lạc tại xã B; L nhờ người đứng tên là Lý Thiện Kh và Huỳnh Thị Quế A. Thỏa thuận, khi nào ông L và bà L trả hết tiền, L sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại. Hiện thửa đất này, được Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai kê biên theo Lệnh số: 21/LKB-PA92 ngày 15/8/2018.

3/ Ngày 27/3/2013, ông Trần Gia H (chết ngày 25/9/2018) cùng bà Trương Thị Ngọc Tr (chết ngày 25/12/2017) vay tín dụng tại QTD Qu theo 02 Hợp đồng số: 23 và 24/HĐTD/2013, với số tiền vay là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), được thế chấp bằng Giấy chứng nhận số BE 119804, tờ bản đồ số 04, thửa đất số 1512, diện tích 169m² (Ngày 19/7/2013, thửa đất này được cấp lại Giấy chứng nhận số BL 655993, tờ bản đồ mới số 17, thửa đất mới số 16, diện tích 157,7m²) tọa lạc tại ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Khi đến thời hạn kết thúc hợp đồng vay tín dụng thì không có khả năng trả nợ, nên L thỏa thuận với ông H và bà Tr, tiếp tục thế chấp bằng hình thức hợp đồng giả tạo, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho L với giá 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), để tất toán 02 hợp đồng vay tín dụng trên là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và được nhận số tiền còn lại 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Ngày

30/6/2014, L nhờ Ngô Quang Th (nhân viên QTD Qu) đứng tên giúp thửa đất này để làm tin, thỏa thuận khi ông H và bà Tr trả 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), thì sẽ chuyển nhượng lại. Ngày 11/9/2014, L nhờ Th cùng Hà Thị Thu Đ (nhân viên QTD Qu) sử dụng Giấy chứng nhận trên, để thế chấp, vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tại QTD Qu theo Hợp đồng tín dụng số: 103/HĐTD/2014, nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu. Hiện thửa đất này, được Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai kê biên theo Lệnh số: 24/LKB-PA92 ngày 15/8/2018.

4/ Ngày 18/12/2012, ông Phạm Đức D vay tín dụng tại QTD Qu theo Hợp đồng tín dụng số: 200/HĐTD.2012, với số tiền vay là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 470104038 mang tên bà Phạm Thị C và ông Phạm Xuân Tr (bố mẹ Phạm Đức D), thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 17, diện tích 48,5m², phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đến thời hạn, ông D không có khả năng trả nợ, nên L kêu Lê Thanh L (nhân viên QTD Qu) thỏa thuận với ông D, sẽ cho ông D “vay ngoài” số tiền 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng), để tất toán khoản vay tín dụng và chuyển ra cho ông D vay ngoài với lãi suất 1%/tháng; đồng thời, ông D sẽ tiếp tục thế chấp bằng hình thức hợp đồng giả tạo, chuyển nhượng quyền sử dụng đất-nhà ở trên cho L. L nhờ Lê Thanh L đứng tên giúp trên giấy chứng nhận thửa đất này để làm tin với D. Hiện nay, D đã mang 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai.

2.2. Hành vi chiếm đoạt khác của Nguyễn Tiến L:

- ***Từ năm 2013 đến năm 2017:*** L chiếm đoạt số tiền 2.042.174.000 đồng (hai tỷ không trăm bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) của QTD Qu, để nhiều lần đầu tư chứng khoán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán A, nên không thu hồi được.

- ***Năm 2013 và năm 2014: L chiếm đoạt số tiền 2.443.700.000 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) của QTD Qu, để mua, bán, thế chấp các xe ô-tô; cụ thể:***

1/ Mua 03 xe ô-tô: Biển số 60A-354.XX (số khung RLUSV81CDGN005773, số máy G4KEGA843925); biển số 60A-228.XX (số khung 5YA4FC016069, số máy D27131ZY) và biển số 60A-122.XX (số

khung RL05SEFAMDAR09508, số máy L310537406) đứng tên chủ sở hữu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn H;

2/ Mua 01 xe ô-tô biển số 60A- 155.XX (số khung 51AAFM149886, số máy G3LAEM183092), đứng tên QTD Qu để sử dụng.

3/ Sau đó, L bán xe ô-tô biển số 60A- 122.XX, nhãn hiệu Ford Escape cho anh Lê Phạm Trường Ng cùng anh Lê Huỳnh Hồng K, với giá 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu đồng), nhưng chưa làm hợp đồng mua bán và dùng số tiền này sử dụng cá nhân (Lệnh kê biên tài sản số: 26/LKB-PA92 ngày 16/8/2018).

4/ Giấy đăng ký xe ô-tô 60A-354.XX, nhãn hiệu Hyundai Santafe, L mang thẻ chấp, vay tín dụng 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ.

5/ Tháng 8 năm 2010, L dùng tiền cá nhân mua 01 xe ô-tô, nhãn hiệu Honda Civic, biển số 60P-08XX có số khung RLHFD1526AY- 902184, số máy R18A1- 5302185. Đến ngày 30/12/2016, L dùng Giấy đăng ký xe ô-tô 60P-08XX, làm Hợp đồng tín dụng số: 393/HĐTD/2016 vay thẻ chấp tại QTD Qu với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nhằm tăng dư nợ tại QTD Qu.

Hiện 05 xe ô-tô trên, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai đã kê biên và đang tạm giữ.

- **Năm 2015:** L chiếm đoạt 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) của QTD Qu thông qua việc mua 01 xe ô-tô có biển số 60A- 205.XX với giá 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng); sau đó, L bán cho người không rõ lai lịch với giá 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và L đã nộp về kho quỹ của QTD Qu 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

- **Năm 2015:** L chiếm đoạt số tiền 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) thông qua việc đầu tư 29.000.000.000 đồng (hai mươi chín tỷ đồng) vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn G do Lý Thiện Kh làm Giám đốc và Công ty trách nhiệm hữu hạn G do L làm giám đốc. Mọi hoạt động điều hành của 02 công ty này đều do L quyết định. Sau đó, L nộp 21.000.000.000 đồng (hai mươi một tỷ đồng) về kho quỹ của QTD Qu.

- **Năm 2016:** L chiếm đoạt 5.065.247.000 đồng (năm tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) thông qua việc đầu tư số tiền 20.065.247.000 đồng (hai mươi tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do L

làm giám đốc, đề dự thầu xây dựng 02 công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng R và Công ty Cổ phần Xây dựng C. Sau đó, được 02 Công ty này thanh toán lại số tiền 17.925.105.237 đồng (mười bảy tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu một trăm không năm nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) và L nộp lại 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng) vào kho QTD Qu. Hiện nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đã ngưng hoạt động.

- Từ năm 2011 đến tháng 11/2017, Nguyễn Tiến L chiếm đoạt tổng số tiền 6.544.400.000 đồng (sáu tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) của QTD Qu, thông qua việc dùng số tiền 11.689.400.000 đồng (mười một tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) của QTD Qu, để cho bạn bè vay, mượn bên ngoài và không có hợp đồng; cụ thể:

1/ Bùi Quang T (sinh năm 1977, cư trú tại: Ấp R, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) mượn 4.170.000.000 đồng (bốn tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) của L. T đã trả lại cho L 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), L đã nộp lại vào kho Quỹ Tín dụng; số tiền còn lại là 3.370.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Sau khi vụ án khởi tố, được L vận động, T đã giao nộp lại cho Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai.

2/ Trần Thanh Tr (sinh năm 1987, cư trú tại: Xã Nh, huyện A, tỉnh Bình Định) mượn của L số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) và Tr còn nợ khoản mượn này.

3/ Nguyễn Thị Kim D (sinh năm 1973, cư trú tại: Phường H, B, Đồng Nai) vay của L 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), lãi suất 1%/tháng, D đã trả cho L số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), L đã nộp lại kho QTD Qu; hiện nay, D còn nợ 630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu đồng).

4/ Nguyễn Ngọc Đ (sinh năm 1984, cư trú tại: Ấp Q, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) vay của L số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), lãi suất 1%/tháng. Hiện nay, Đ bỏ đi khỏi địa phương và còn nợ khoản tiền này.

5/ Phạm Nhựt Qu (nhân viên QTD Qu) mượn của L số tiền 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng), Qu đã trả 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng), L đã nộp lại kho QTD Qu. Hiện nay, Qu còn nợ số tiền 267.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Ngày 13/9/2019, Qu nộp 1.500.000 đồng vào QTD Qu, đại diện QTD Qu đã xác nhận tại phiên tòa.

6/ Lê Thanh L (nhân viên QTD Qu) mượn 02 lần với tổng số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng), Thanh L đã trả cho L 472.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng), L đã nộp lại vào kho QTD Qu. Hiện nay, Thanh L còn nợ số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Ngày 13/12/2018, Thanh L đã nộp 18.000.000 đồng vào QTD Qu, đại diện QTD Qu đã xác nhận tại phiên tòa.

7/ Nguyễn Văn Trọng Kh (em ruột Nguyễn Tiến L, sinh năm 1982, cư trú tại: Số I, đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh) mượn của L số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), Kh trả lại cho L 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), L đã nộp lại vào kho QTD Qu. Hiện nay, Kh đang còn nợ số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

8/ Lư Thị Trương V (nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn H) mượn L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), V đã trả lại cho L 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và L đã nộp vào kho QTD Qu.

9/ Ngô Quang Th (nhân viên QTD Qu) mượn số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), Quang Th đã trả lại cho L 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và L đã nộp lại vào kho QTD Qu.

10/ Vũ Sơn L (nhân viên QTD Qu) mượn số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), Sơn L đã trả lại cho L 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và L đã nộp lại kho QTD Qu.

11/ Châu Hoài V (chồng Hà Thị Thu Đ) vay mượn số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), V đã trả lại cho L 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và L đã nộp lại kho QTD Qu.

12/ Hà Thị Thu Đ (nhân viên QTD Qu) mượn số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), Đ đã trả lại cho L 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và L đã nộp lại kho QTD Qu.

13/ Tháng 11/2016, L đã chuyển khoản cho Võ Hoàng Ph (bạn L) mượn 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), để đáo hạn khoản vay của Ph tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đ. Sau đó, Ph đã trả lại cho L 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và L đã nộp lại kho QTD Qu.

14/ L có cho Nh (không rõ lai lịch) vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, Nh đã trả cho L được 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và L đã nộp lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào kho QTD Qu, hiện Nh còn nợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

15/ L cho chị Phạm Thị Thanh V (chưa rõ lai lịch) vay số tiền 17.400.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi suất 1%/tháng, hiện Thanh V còn nợ khoản vay này.

16/ L cho Trần Thị Thanh Ng (chưa rõ lai lịch) vay số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, hiện N còn nợ khoản vay này.

Như vậy, L đã nhập về kho QTD Qu tổng số tiền vay mượn nêu trên là 5.145.000.000 đồng (năm tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). L có trách nhiệm trả lại cho QTD Qu số tiền còn lại. Những người này phải có trách nhiệm trả lại tiền vay mượn cho L, khi L có yêu cầu trong vụ kiện dân sự khác.

- **Năm 2017:** Nguyễn Tiến L chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) của QTD Qu, thông qua việc bà Lý Thị Xuân Ph (là vợ của Trần Quốc T – nguyên Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đ) có gửi số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thể hiện tại 03 sổ tiết kiệm (số AA 1098373 gửi 09/6/2017; AA1098367 và AA1098368 gửi ngày 19/5/2017); trong đó, sổ số AA1098367 và sổ AA1098368 thì nguồn tiền chuyển từ tài khoản của ông T vào tài khoản cá nhân của L và L đã rút ra tiêu xài cá nhân. Ngày 23/10/2017, L dùng 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) của QTD Qu để tất toán cho Trần Quốc T 02 sổ tiết kiệm có số AA1098367 và AA1098368.

- **Ngoài ra:** Trong số tiền Nguyễn Tiến L chiếm đoạt của QTD Qu, L có sử dụng 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) vào việc cá độ bóng đá trên mạng. Hiện vụ việc đang được Cục Cảnh sát hình sự - Bộ Công an xác minh, làm rõ hành vi đánh bạc của L, để xử lý thành vụ việc khác.

2.3. Tổng kết về hành vi chiếm đoạt của Nguyễn Tiến L:

Như vậy, tổng số tiền L đã chiếm đoạt của QTD Qu là 70.165.120.823 đồng (bảy mươi tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm hai mươi ba đồng). Ngoài ra, L chỉ đạo nhân viên QTD Qu chi số tiền 60.492.379.367 đồng (sáu mươi tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng) cho các hoạt động kinh doanh không hiệu quả của QTD Qu, nên chưa thu hồi được.

3. Các nội dung khác có liên quan đến vụ án:

3.1. Kết quả điều tra, xác định Nguyễn Tiến L còn các khoản nợ:

- Nợ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đ số tiền gốc là 6.969.908.880 đồng (sáu tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm không tám nghìn tám trăm tám mươi đồng), được L thế chấp Giấy chứng nhận số BN 210411, diện tích 2.542,1m², tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Nợ 02 khoản vay tại Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ, được L thế chấp xe ô-tô biển kiểm soát 60A-354.XX và Giấy chứng nhận số BA 039493 do Lê Thị Cẩm V đứng tên bảo lãnh, với tổng số tiền gốc là 1.085.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu đồng);

- Nợ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), được L thế chấp 02 Giấy chứng nhận số BM 410069 và CD 064848 tại xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai;

- Nợ Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh K số tiền gốc là 2.056.800.000 đồng (hai tỷ không trăm năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), được L thế chấp Giấy chứng nhận số BO711878, diện tích 620m², tại xã Qu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Các nội dung khác:

- Tại Công văn số: 33/2019/QTDND.QT ngày 04/6/2019 của QTD Qu, từ ngày 26/01/2018 đến ngày 17/5/2019, thể hiện QTD Qu đã tổ chức chi trả cho khách hàng, cụ thể:

- + Số lượng khách hàng đã nhận chi trả: 266 người;
- + Chi trả 326 Sổ tiết kiệm;
- + Tổng số tiền đã chi trả: 23.163.064.000 đồng.

- Ngày 02/5/2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Công văn số: 367/NHNN-TTGSNH.m về phương án xử lý các Quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt tại Đồng Nai; trong đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H được phân công tham gia phương án xử lý công nợ đối với QTD Qu. Ngày 12/01/2018, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Đ chỉ định ông Đỗ Xuân V làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của QTD Qu; ông V yêu cầu L phải trả lại cho QTD Qu số tiền đã chiếm đoạt và gây thất thoát.

- Từ ngày 28/01/2013 đến ngày 13/8/2014, Nguyễn Tiến L thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (ngưng hoạt động từ năm 2014), có địa chỉ trụ sở tại đường C, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. L nhờ Lê Thanh L đứng tên làm Giám đốc, để L giải ngân các khoản vay của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H và L dùng để chuyển rút tiền ra được tại từ QTD Qu.

- Năm 2015, Nguyễn Tiến L còn nhờ bà Huỳnh Thị L (mẹ ruột L), đứng tên mở tài khoản tại ngân hàng để L sử dụng rút chuyển tiền.

- Từ năm 2010 đến tháng 3/2017, Nguyễn Tiến L đã chỉ đạo Phạm Nhựt Qu, Lê Thanh L, Hà Thị Thu Đ, Trần Thị Kim Ch và Nguyễn Thị H ký tên với chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán, Thủ quỹ, người đề nghị trên các giấy đề nghị tạm ứng tiền, các sổ tiết kiệm, các báo cáo trong quá trình hợp thức hóa hồ sơ tại QTD Qu;

- Đối với hành vi đánh bạc cùng các hành vi vi phạm pháp luật khác của Nguyễn Tiến L và những người khác. Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

3.3. Kết quả giám định và định giá:

1/ Vào các ngày 27/7, 31/7, 28/9, 23/10 và 12/10/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai ban hành các Kết luận giám định số 240, 241, 242, 342, 374, 361 và 373, kết luận:

- Hình dấu tròn QTD Qu, với hình dấu tròn Mẫu trên các tài liệu của mẫu so sánh và trên các “*Giấy đề nghị tạm ứng*” mà cơ quan điều tra đã thu thập giám định là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký của Nguyễn Tiến L, Phạm Nhựt Qu, Lê Thanh L, Trần Thị Kim Ch, Nguyễn Thị H, Hà Thị Thu Đ, Ngô Quang Th, Vũ Sơn L, Lý Thiện Tr và Trà Phương Th trên các tài liệu là “*Giấy đề nghị tạm ứng*”, với các chữ ký trên các tài liệu thu thập giám định là do cùng một người ký ra.

2/ Kết luận Giám định số: 4526/STC-KLGD ngày 21/8/2019 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Toàn bộ trách nhiệm, việc không thực hiện đúng các quy định của nhà nước, đã làm thiệt hại và chiếm đoạt số tiền 130.757.500.190 đồng của QTD Qu trong một thời gian dài, thuộc về Nguyễn Tiến L – Chủ tịch kiêm Giám đốc QTD Qu.

- Đối với Phạm Nhựt Qu, trong thời gian từ năm 2013 đến tháng 3/2017, Qu là giám đốc và là chủ tài khoản có quyền quyết định toàn bộ việc thu, chi hoạt động tài chính, tín dụng của QTD Qu, đã không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, thực hiện các hành vi trái pháp luật, trực tiếp ký duyệt hồ sơ chứng từ rút ra khỏi QTD Qu là 76.140.121.000 đồng. Qu đã giúp cho Nguyễn Tiến L chiếm đoạt tiền của QTD Qu.

- Đối với Hà Thị Thu Đ, từ năm 2010 đến tháng 11/2017, Đ là Kế toán trưởng của QTD Qu, đã thực hiện các hành vi trái pháp luật, trực tiếp ký duyệt hồ sơ và chứng từ rút ra khỏi quỹ, tổng cộng số tiền 69.251.683.000 đồng. Đ đã giúp cho Nguyễn Tiến L chiếm đoạt tiền của QTD Qu.

3/ Tại Chứng thư Thẩm định giá số: 238/CT-THM ngày 05/4/2019 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư xây dựng Th, xác định tổng giá trị tài sản thu giữ trong vụ án là 70.842.039.000đ (bảy mươi tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng).

4/ Ngày 18/9/2019, Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Nai ban hành Kết luận Định giá tài sản số: 5113/STC-HĐĐGTSTTHS, xác định tổng giá trị tài sản thu giữ trong vụ án là 35.046.769.000đ (ba mươi lăm tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

4. Vật chứng đang tiếp tục tạm giữ:

- 02 Giấy chứng nhận số BH 886755 và số BQ 210146 đều mang tên Lê Thanh L.

- 01 Giấy chứng nhận số AG 869737 mang tên Hồ Văn L và Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho Vũ Sơn L.

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 196473 mang tên Vũ Sơn L.

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 196472 mang tên Ngô Quang Th.

- 01 Giấy chứng nhận số BL 655993 mang tên Trần Gia H chuyển nhượng cho Ngô Quang Th;

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 189295 mang tên Ngô Thị Ánh T;

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 189297 mang tên Nguyễn Hà Hồng V;

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 189296 mang tên Nguyễn Thị Ngọc Th.

- 01 Giấy chứng nhận số BP 103239 mang tên Ngô Thị Ánh D.

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 210145 mang tên Phạm Nhựt Qu.

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 189298 mang tên Vũ Phi B.

- 03 Giấy chứng nhận số BU 699716, số BU 699718 và số BU 699717 đều mang tên Nguyễn Thị Trúc L.

- 01 Giấy chứng nhận số BP 103241 mang tên Vũ Đại Tr.

- 01 Giấy chứng nhận số BV 086322 mang tên Lý Thiện Kh, Huỳnh Thị Quế A;

- 01 Giấy chứng nhận số BQ 196474 mang tên Lư Thị Trương V.
- 01 Giấy chứng nhận số BP 103731 mang tên Nguyễn Ngọc Ch.
- 01 Giấy chứng nhận số AM 609634 mang tên Bùi Văn C, Trần Thị Th chuyển nhượng cho Châu Hoài V;
- 01 Sổ Tiết kiệm AB 5602263 mang tên Bùi Kim Tr.
- 01 Sổ Tiết kiệm số AA 1098379 mang tên Nguyễn Thị Tr.
- 01 Sổ Tiết kiệm số AA 1098380 mang tên Nguyễn Tăng Tr.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 GOLD, số IMEI 353845087693884 kèm sim.
- 01 mộc đóng số hiệu Shiny.
- 01 bộ mộc đóng chữ cái hiệu Multi Joint Rubber.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60P- 08XX.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A- 155.XX.
- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 07 0013078.
- 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KC 2166551.
- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 05 0001709.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A- 228.XX.
- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm số BB 0150511.
- 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KA 4524526.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A- 122.XX.
- 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KC 4099925.

Các vật chứng nêu trên đã chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/01/2019; Phiếu nhập: NK190023.

- Số tiền 3.730.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).

Số tiền nêu trên Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số: 01 ngày 16/01/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

5. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKS-P1 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố Nguyễn Tiến L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

6. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

Ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số: 11/2019/HSST-QĐ, để điều tra bổ sung những người sau đây có dấu hiệu đồng phạm, giúp sức cho bị can Nguyễn Tiến L chiếm đoạt tiền của QTD Qu, bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị bà Huỳnh Thị L và ông Lý Thiện Tr (nghỉ việc vào năm 2012), Giám đốc - Phạm Nhựt Qu (nghỉ việc vào tháng 3/2017), Phó Giám đốc - Lê Thanh L, Thủ quỹ - Nguyễn Thị H (nghỉ việc vào tháng 5/2015), Thủ quỹ - Trần Thị Kim Ch (làm việc từ tháng 5/2015 đến nay) và Kế toán - Hà Thị Thu Đ và Ban kiểm soát gồm: Ngô Thị N làm Trưởng ban và các thành viên Ngô Quang Th, Nguyễn Thị H và Trà Phương Th.

Ngày 14/8/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số: 955/VKS-P1 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố, xác định thực tế Nguyễn Tiến L là người trực tiếp kinh doanh, điều hành mọi hoạt động của QTD Qu; những người nêu trên chỉ làm công ăn lương, thực hiện theo chỉ đạo của L, không hưởng lợi và không cùng mục đích chiếm đoạt tiền nên không đồng phạm với Nguyễn Tiến L.

7. Trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

7.1. Về trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, t, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị xử phạt bị cáo L từ 14 năm đến 16 năm tù.

7.2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên:

+ Tịch thu sung Quỹ nhà nước một điện thoại di động hiệu Iphone 7 của L dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy một bộ mộc đóng số hiệu Shiny cùng một bộ mộc đóng chữ cái hiệu Multi Joint Rubber, một sổ tiết kiệm không mang tên Nguyễn Thị Tr số AA 1098379, một sổ tiết kiệm không mang tên Nguyễn Tăng Tr số AA 1098380 vì không còn giá trị sử dụng.

+ Trao trả xe ô tô biển số 60A-228.XX cho Lê Huỳnh Hồng K cùng Lê Phạm Trường Ng;

+ Đối với các khoản vay tín dụng mà L còn nợ tại Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ, Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đ, Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B, Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh K thì L và người bảo lãnh cho L trong các khoản vay phải có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi theo quy định.

+ QTD Qu có trách nhiệm tiếp tục trả cho khoản vay 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) cho Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ theo quy định. Buộc Nguyễn Tiến L có trách nhiệm trả số tiền đã sử dụng dẫn đến không khả năng thu hồi của QTD Qu để trả lại cho QTD Qu theo quy định pháp luật. Buộc L có trách nhiệm nộp lại 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) để trả lại cho Văn Văn Ng; đồng thời, tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án của vụ án Văn Văn Ng phạm tội xảy ra tại các Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở T, D, Th. Tại phiên tòa, phát sinh thêm quan hệ tài sản giữa bị cáo L và Văn Văn Ng, đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

+ Đối với các Giấy chứng nhận số 470104038 mang tên Lê Thanh L liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 200/HĐTD.2012 thì L có trách nhiệm chuyển nhượng quyền sử dụng lại cho gia đình D; Giấy chứng nhận số BL 655993 mang tên Ngô Quang Th liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 23 và 24/HĐTD/2013 với Trần Gia H cùng Trương Thị Ngọc Tr; Giấy chứng nhận số BV 086322 mang tên Lý Thiện Kh, Huỳnh Thị Quế A liên quan đến hợp đồng tín dụng số 89/HĐTD/2012 với Phạm Hồng L; Giấy chứng nhận số AM 609634 mang tên Châu Hoài V liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 162/HĐTT/2011 với Trần Duy Ph cùng Trịnh Thị Thu Tr thì đề nghị chuyển trả lại các Giấy chứng nhận về QTD Qu để xử lý hợp đồng giả cách khi các người vay thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính nhằm đảm bảo thi hành án.

+ Đối với các thửa đất có Giấy chứng nhận số BM 410069, số CĐ 064848 tại xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, đề nghị tách trả lại phần diện tích 1.688m² thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn S.

+ Tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án 04 xe ô tô biển số 60A-354.XX, 60P-08XX, 60A-122.XX, 60A-155.XX cùng các giấy tờ liên quan; 21 lô đất cùng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số tiền 3.730.000.000đ (ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) do Bùi Quang T, Phạm Đức D cùng sổ tiết kiệm AB 5602263 với số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) mang tên Bùi Kim Tr.

7.3. Kiến nghị xử lý hậu quả:

- Đối với số người đã gửi tiết kiệm tại QTD Qu hiện đang còn dư tiền gửi trên sổ tiết kiệm, QTD Qu có trách nhiệm chi trả hết số tiền còn lại cho người gửi.

- Đối với khách hàng vay tín dụng tại QTD Qu hiện đang dư nợ (chưa tất toán), QTD Qu có trách nhiệm thu hồi khoản vay theo quy định.

- Đối với các khách hàng vay tín dụng đã được Nguyễn Tiến L cho tất toán hồ sơ chuyển ra cho vay ngoài, thì giao lại cho QTD Qu tiếp tục thu hồi nợ theo quy định, trong đó có các hợp đồng sau:

+ Nguyễn Thị Kim Ch có vay tín dụng tại QTD Qu số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), với 03 Hợp đồng vay tín dụng số: 42, 43 và 44/HĐTD/2013, được thế chấp bằng 03 Giấy chứng nhận số BD 865917, diện tích 1.012,9m²; số BD 143968, diện tích 1.125,4m²; số BH 959974, diện tích 107,2m²; tất cả đều tọa lạc tại phường B, thành phố B. Khi đến hạn kết thúc hợp đồng tín dụng, thì bà Ch chỉ trả trước cho QTD Qu 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), để L làm thủ tục tất toán 03 hợp đồng tín dụng trên và trả lại cho bà Ch 01 Giấy chứng nhận số BD 143968; còn 02 Giấy chứng nhận số BH 959974 và BD 865917, thì L tiếp tục giữ tại QTD Qu; đồng thời, số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thì L chuyển cho vay ngoài với lãi suất 1%/tháng. Hiện nay QTD Qu đang còn giữ 02 Giấy chứng nhận số BH 959974 và BD 865917; và bà Ch còn nợ QTD Qu số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

+ Mai Thị T cùng chồng là Trịnh Văn H, tại phiên tòa thể hiện hợp đồng đã thực hiện xong nên không đề cập.

- Đối với Nguyễn Thị Ánh T (hiện đang chấp hành án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Trại K thuộc Trại giam X - Cục C10), có vay tín dụng tại QTD Qu số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), với 02 Hợp đồng vay tín dụng số: 33 và 34/HĐTD/2013, được thế chấp bằng Giấy chứng nhận số B492971 mang tên giả là ông Nguyễn Văn L, có diện tích 5.725m², tại

phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vay, bà T chỉ mới trả cho QTD Qu được 92.735.000 đồng (chín mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Ngày 31/8/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai xác định Giấy chứng nhận số B492971 là giả. Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục điều tra xử lý thành vụ việc khác.

8. Trình bày của người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Tiến L:

Nguyễn Tiến L đã thừa nhận hoàn toàn hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và không có ý kiến gì khác. Về quan hệ hôn nhân với Lê Thị Cẩm V, L trình bày thêm như sau: Năm 2012 kết hôn và ly hôn 2013; năm 2014 kết hôn lại và khoảng năm 2016-2017 ly hôn.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L do ông Nguyễn Văn M trình bày:

Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng thống nhất như quan điểm của Kiểm sát viên.

Về nguyên nhân phạm tội: Việc thành lập QTD Qu đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, hạn chế cho vay nặng lãi trên địa bàn hoạt động. Trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, để đảm bảo khả năng cạnh tranh của mình trong quá trình hoạt động, với vai trò chính trong QTD Qu, Nguyễn Tiến L vừa phải đảm bảo đủ trang trải các chi phí đã bỏ ra, vừa phải đảm bảo có tích lũy, để phát triển, nhằm mục tiêu hỗ trợ các thành viên được lâu dài, chất lượng tốt hơn, chi phí hợp lý hơn. Tuy nhiên, do năng lực còn hạn chế và những khó khăn nêu trên, L đã phải đầu tư nhiều lĩnh vực khác, để bù lại các chi phí thường xuyên của QTD Qu, dẫn đến hành vi phạm tội. Trong vụ án này, còn có trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Đ đã không chặt chẽ trong công tác quản lý, thanh tra và kiểm tra; do đó, L mới có điều kiện thực hiện các hành vi như cáo trạng đã mô tả.

Về hình phạt: Bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả; tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo nhân thân tốt; là lao động chính trong gia đình và tự nguyện đầu thú. Những nội dung này thuộc các điểm b, t, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất, để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng và khắc phục hậu quả.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Cẩm V do ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Có đủ cơ sở cho rằng, quyền sử dụng đất tại thửa số 123, tờ bản đồ số 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp Giấy chứng nhận số BA 039493 thuộc quyền sử dụng của cá nhân bà Lê Thị Cẩm V, không phải tài sản chung của bà V và bị cáo L. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà V đã xây nhà để sử dụng và đây cũng là nơi cư trú duy nhất của bà V và các con. Trách nhiệm của người bảo lãnh thế chấp để cho vay tín dụng đã được pháp luật quy định; tuy nhiên, đề nghị Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ tạo điều kiện, để cho bà V trả nợ thay cho Nguyễn Tiến L, nhận lại tài sản thế chấp, để ổn định cuộc sống.

- *Bị hại Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở Qu:*

Về trách nhiệm hình sự không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về dân sự: Yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền theo kết luận giám định là 130.757.500.190 đồng; đồng ý trừ ra các số tiền đã khắc phục hậu quả.

Về các nội dung khác:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai Thị T đã tự nguyện đến QTD Quảng T giao nộp số tiền còn nợ là 270.000.000 đồng. Trong hệ thống lưu trữ không có khoản vay của bà T; do đó, QTD Qu đã tạm nhận tiền và trả tài sản thế chấp cho bà T.

- Ngày 13/9/2019, Phạm Nhựt Qu tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), QTD Qu đang tạm giữ.

- Ngày 13/12/2018, Lê Thanh L tự nguyện giao nộp số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), QTD Qu đang tạm giữ;

- Hiện nay, khoản vay của bà Nguyễn Kim Ch không có trong hệ thống theo dõi nợ vay (báo cáo kế toán) của QTD Qu. Từ thời điểm QTD Qu bị kiểm soát đặc biệt ngày 07/12/2017 cho đến nay, bà Ch chưa tiến hành thanh toán nợ hoặc xác nhận nợ vay. Số tiền nợ đã được Cơ quan điều tra xác định là 400.000.000 đồng. 02 Giấy chứng nhận bản chính số BH 959974 và BD 865917 đã được Cơ quan điều tra bàn giao cho QTD Qu.

- Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Ánh T: Từ ngày 07/12/2017 cho đến nay, người thân của bà T có thanh toán nợ vay và còn nợ lại số tiền 119.165.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là tổ chức:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

1.1. Liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6598616/HĐTD ngày 07/4/2017 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn G), người đại diện theo ủy quyền do bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Việc vay tín dụng, thế chấp tài sản của bên thứ ba (bà V) và thực hiện hợp đồng như cáo trạng đã mô tả. Cho đến nay, ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận, nợ đã quá hạn nhưng ngân hàng chưa khởi kiện đối với giao dịch nêu trên vì có liên quan đến vụ án này. Đề nghị Tòa án giải tỏa kê biên theo Lệnh số 01 ngày 29/3/2018, để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp và thu hồi nợ.

Ngoài ra, việc ông Văn Văn Ng cho rằng có thỏa thuận với ngân hàng để nhận chuyển nhượng đất đang thế chấp là không đúng sự thật. Ngân hàng chưa từng làm việc với ông Ng cũng như Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V về nội dung như ông Ng trình bày.

1.2. Liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 180/2017/10440832/HĐTD ngày 10/11/2017 với Nguyễn Tiến L và Lê Thị Cẩm V), người đại diện theo ủy quyền do bà Bùi Thị Tuyết M trình bày:

Việc vay tín dụng, thế chấp tài sản của bên thứ ba (bà V) và thực hiện hợp đồng như cáo trạng đã mô tả. Cho đến nay, bên vay chưa trả cho ngân hàng được khoản tiền nào. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận, nợ đã quá hạn nhưng ngân hàng chưa khởi kiện đối với giao dịch nêu trên vì có liên quan đến vụ án này. Đề nghị Tòa án giải tỏa kê biên quyền sử dụng đất theo Lệnh số 02 và 03 cùng ngày 29/3/2018, để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp và thu hồi nợ. Không đồng ý việc tách QSD đất cho ông S.

2. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền do ông Võ Đức B trình bày:

- Bà Lê Thị Cẩm V dùng giấy chứng nhận số BA 039493, bảo lãnh cho Nguyễn Tiến L, để vay 02 khoản tín dụng tại ngân hàng. Hợp đồng được thực hiện bình thường cho đến khi khởi tố vụ án. Hiện nay, ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận, nợ đã quá hạn nhưng ngân hàng chưa khởi kiện.

Quyền sử dụng đất đang bị kê biên theo Lệnh số 04 ngày 06/8/2018, đề nghị Tòa án giải tỏa kê biên, để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp và thu hồi nợ.

- Ngày 06/01/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H vay tín dụng với số tiền 600.000.000 đồng, mục đích mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe, giá trị xe thời điểm đó là 1.378.894.000 đồng. Hiện nay, ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe, nợ đã quá hạn nhưng ngân hàng chưa khởi kiện. Đề nghị trao trả xe ô tô để ngân hàng xử lý nợ.

- Ngoài ra, QTD Qu còn vay của ngân hàng 03 khoản tín dụng để hoạt động (vay tín chấp). Đến ngày 31/8/2019, còn nợ là 2.700.000.000 đồng nhưng ngân hàng chưa khởi kiện.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền do ông Dương Hoài S trình bày:

Năm 2016, ông Ngô Quang Th và bà Nguyễn Thanh H vay tín dụng tại ngân hàng 2.300.000.000 đồng, mục đích nhận chuyển nhượng từ Nguyễn Tiến L thửa 276, bản đồ số 6, xã Qu (trụ sở QTD Qu) và thế chấp bằng chính thửa đất này, theo Giấy chứng nhận số BO 711878 cấp cho Ngô Lê Mạnh H – Nguyễn Thị Rắc L ngày 04/12/2013, cập nhật trang IV sang tên L ngày 09/10/2015, ông Th – bà H ngày 01/4/2016 (hiện nay ngân hàng đang giữ bản chính). Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên vào tài khoản của ông L mở tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Đ ngày 13/4/2016.

Quá trình thực hiện thực hiện hợp đồng, do ông Th – bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã khởi kiện. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2018/QĐST-DS ngày 18/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai đã giải quyết vụ án; tuy nhiên, do thửa đất bị kê biên theo Lệnh số 25 ngày 15/8/2018 nên không thi hành án được. Đề nghị Tòa án giải tỏa kê biên để ngân hàng thu hồi nợ.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do người đại diện theo pháp luật Nguyễn Tiến L trình bày:

Việc thành lập doanh nghiệp và quá trình hoạt động như cáo trạng mô tả là đúng, không có ý kiến gì khác. Cả 02 doanh nghiệp đều ngưng hoạt động từ khi có quyết định khởi tố vụ án.

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T do người đại diện theo pháp luật Lý Thiệp Kh trình bày:

Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở hợp tác của những người bạn của Lý Thiện Kh; trong đó, vào khoảng năm 2012 – 2013, Nguyễn Tiến L có góp 700.000.000 đồng (nguồn tiền từ QTD Qu) nhưng L không có trong danh sách thành viên công ty. Doanh nghiệp hoạt động đến năm 2014 thì gặp khó khăn; hiện nay, đã ngưng hoạt động theo quyết định của Nhà nước.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Quốc B và ông Lê Xuân H cùng trình bày:

Sau khi cấp phép cho QTD Qu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đ vẫn theo dõi, kiểm tra, thanh tra và giám sát theo định kỳ và kế hoạch hoặc đột xuất.

Trong quá trình hoạt động của QTD Qu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đ có tiến hành thanh tra 01 lần vào năm 2013, có phát hiện một số sai sót và có yêu cầu QTD Qu khắc phục, nhưng chưa lần nào xử lý vi phạm hành chính đối với QTD Qu.

Toàn tỉnh Đồng Nai có 57 chi nhánh ngân hàng và 36 quỹ tín dụng; trong đó, có 06 quỹ tín dụng hiện nay thuộc diện kiểm soát đặc biệt; do đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đ không thể kiểm tra, thanh tra hết tất cả các tổ chức này. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đ không phát hiện ra sai phạm của QTD Qu nên không thể chịu trách nhiệm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân:

1. Ông Nguyễn Văn S; đồng thời, cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Tống Thị H và bà Đặng Ngọc C trình bày:

Vào năm 2013, Nguyễn Tiến L có nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn S và những người ủy quyền 02 thửa đất có tổng diện tích là 10.688m² tại xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, với giá tiền là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) như cáo trạng mô tả. Sau đó, L đã được cấp Giấy chứng nhận số BM 410069 và CD 064848. Trên giấy tờ pháp lý là chuyển nhượng trọn thửa, nhưng giữa bên ông S và L có thỏa thuận riêng là trong số 10.688m² nêu trên, có 1.688m² vẫn thuộc quyền sử dụng của bên ông S; bởi vì, thời điểm đó Nhà nước không cho tách thửa. Việc L mang 02 Giấy chứng nhận trên, thế chấp tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B, để vay 4.000.000.000 đồng thì bên ông S không biết; cho đến nay, bên ông S cũng chưa liên hệ ngân hàng để trình bày sự việc trên.

2. Ông Lê Phạm Trường Ng trình bày:

Giữa ông Ng, ông Lê Huỳnh Hồng K và Nguyễn Tiến L là bạn bè lâu năm. Vào năm 2015, ông Ng với ông K có cùng mua chung 01 xe ô tô của L với số tiền 620.000.000 đồng, xe nhãn hiệu Ford Escape, biển số 60A 122.XX do Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đứng tên chủ sở hữu. Việc thanh toán được thực hiện nhiều lần với nhiều hình thức khác nhau (chuyển khoản, tiền mặt); khi ông Ng và ông K đã chuyển cho L đủ số tiền mua xe nêu trên, chưa kịp làm thủ tục sang tên thì L bị bắt nên không làm được. Hiện nay, xe đang bị kê biên theo Lệnh số 26 ngày 16/8/2018; do thời gian bị kê biên đã quá lâu nên xe bị xuống cấp trầm trọng. Ông Ng đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu, trao trả xe để ông mang về sửa chữa và sử dụng.

3. Ông Lê Huỳnh Hồng K trình bày:

Về mối quan hệ bạn bè, giao dịch mua bán xe như ông Lê Phạm Trường Ng và bị cáo Nguyễn Tiến L trình bày là đúng. Ông K thống nhất như đề nghị của ông Ng. Do các chứng từ thanh toán đa số do ông Ng đứng tên, nên ông đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu và trao trả xe cho ông Ng. Giữa ông K với ông Ng sẽ tự thỏa thuận và giải quyết với nhau nếu có tranh chấp sở hữu tài sản.

4. Ông Văn Văn Ng trình bày:

Ông Ng với Nguyễn Tiến L là bạn bè. Ngày 26/7/2017, ông Ng thông qua Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, có nhận chuyển nhượng của L thửa đất số 162D, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.348m² tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, L đứng tên trên Giấy chứng nhận số BN 210411. Khi giao dịch, đất trên L đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đ, để vay 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng). Hai bên chỉ mới làm hợp đồng nhưng chưa sang tên.

Thỏa thuận giá sang nhượng là 10.400.000.000 đồng. Ông Ng đã thanh toán trực tiếp 3.300.000.000 đồng cho L. Số tiền còn lại, thỏa thuận ông Ng thanh toán thay cho L tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Đ; việc thỏa thuận này là giữa nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, ông L với ngân hàng; tuy nhiên, không lập thành văn bản giữa 03 bên. Trên thực tế, ông Ng đã trả 03 tháng tiền lãi 160.000.000 đồng (đưa cho L để thanh toán tiền lãi).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đã nhận đất sử dụng và đầu tư xây dựng trên đất hết 5.000.000.000 đồng, bao gồm: Cây kiềng, nhà thờ, cải tạo lại 02 căn nhà cấp 4, 01 nhà cho công nhân ở và xây tường hàng

rào. Việc xây dựng không xin phép chính quyền địa phương nhưng không bị lập biên bản. Ông Ng đề nghị công nhận hợp đồng theo thỏa thuận nêu trên.

5. Ông Phạm Đức D trình bày:

Về nội dung hợp đồng tín dụng và giao dịch giả tạo như cáo trạng trình bày là đúng. Sau khi vụ án bị điều tra, gia đình ông D cùng với Lê Thanh L đã tự thỏa thuận với nhau, ông D đã nộp 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng), Lê Thanh L đã làm thủ tục chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất; hiện nay, bà Phạm Thị C và ông Phạm Xuân Tr đã đứng tên trên giấy chứng nhận.

6. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, đều trình bày phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án và cáo trạng đã mô tả.

9. Trình bày của Điều tra viên:

Tại phiên tòa, trên cơ sở người tham gia tố tụng trình bày và yêu cầu của Hội đồng xét xử, điều tra viên đã tích cực trình bày, phân tích và giải thích rõ những nội dung trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quyền được bào chữa của bị cáo được đảm bảo; người bào chữa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Vụ án đã được trả hồ sơ để điều tra bổ sung; tuy nhiên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố; do đó, không tiếp tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhưng cần kiến nghị trong bản án.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi bị truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tiến L:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tiến L khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và cáo trạng đã mô tả.

2.1. Về tội danh và áp dụng pháp luật hình sự:

Từ năm 2011 đến năm 2017, với chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Giám đốc của QTD Qu, Nguyễn Tiến L có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và gây thiệt hại cho QTD Qu, với hành vi:

- Trực tiếp hoặc chỉ đạo nhân viên cấp dưới viết trên mẫu “Giấy đề nghị tạm ứng tiền”, để L rút tiền ra khỏi QTD Qu. Sau khi rút tiền, L trực tiếp nhận tiền mặt hoặc chỉ đạo nhân viên đưa tiền mặt cho L, hoặc chuyển vào tài khoản cá nhân số 1478298XX của L mở tại Ngân hàng ACB với số tiền tổng cộng hơn 70 tỷ đồng, để L sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau không đúng quy định, dẫn đến không có khả năng trả lại cho QTD Qu.

- L còn chỉ đạo nhân viên QTD Qu chi tiền cho các hoạt động kinh doanh không hiệu quả; cụ thể: Lấy tiền gửi của khách hàng gửi sau, dùng để trả tiền lãi cho khách hàng gửi trước (tiền lãi, phần lớn cao hơn nội dung ghi trong sổ tiết kiệm); hoa hồng cho nhân viên, cộng tác viên trong hoạt động cho vay cũng như huy động tiền gửi; du lịch cho cán bộ nhân viên quỹ hàng năm; tiền ăn hàng tháng, ăn uống, sinh nhật, từ thiện, đóng góp các khoản hoạt động xã hội; tiền phạt vi phạm giao thông; tiền điện thoại, chi văn phòng phẩm, mua sổ tiết kiệm, hóa đơn chứng từ; sửa chữa xe ô tô, viếng đám tang, dự đám cưới, thăm bệnh và nhiều khoản chi khác... với số tiền tổng cộng hơn 60 tỷ đồng, dẫn đến chưa thu hồi được.

- Căn cứ Kết luận Giám định số: 4526/STC-KLGĐ ngày 21/8/2019 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai, hành vi nêu trên của Nguyễn Tiến L đã chiếm đoạt và gây thiệt hại cho QTD Qu với tổng số tiền 130.757.500.190 đồng. Số liệu trong cáo trạng và trong phần nội dung vụ án nêu trên là tính toán trên cơ sở đối chiếu hồ sơ, sổ sách và các lời khai của những người từng làm kế toán của QTD Qu; trong khi đó, khoản 1 Điều 2 của Luật Giám định tư pháp quy định: “*Giám định tư pháp là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự*”; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Kết luận Giám định nêu trên để giải quyết vụ án.

Hành vi của Nguyễn Tiến L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt tù cao nhất là chung thân; so sánh với khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt cao nhất là 20 năm tù; do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14 và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để truy tố và xét xử có lợi cho bị cáo.

Cáo trạng truy tố bị cáo L tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

2.2. Về hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần, thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả (tự nguyện khai ra nguồn gốc tài sản có từ việc chiếm đoạt như nhiều thửa đất và xe ô tô để tạm giữ, kê biên đảm bảo thi hành án, nộp lại Sổ tiết kiệm 400.000.000 đồng mang tên Bùi Kim Tr, vận động Phạm Văn T là người vay mượn bên ngoài giao nộp số tiền 3.370.000.000 đồng; vận động Phạm Đức D giao nộp 360.000.000 đồng...); bị cáo có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự và đã đầu thú; đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, theo Kết luận Định giá tài sản số: 5113/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 18/9/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Nai, tài sản đang bị kê biên, tạm giữ trong vụ án có tổng giá trị 35.046.769.000 đồng, nên có khả năng thu hồi một phần tài sản nữa cho QTD Qu.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến L là rất nguy hiểm cho xã hội, lạm dụng tín nhiệm, xâm phạm tài sản và gây thiệt hại cho QTD Qu với giá trị rất lớn. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian với mức án thật nghiêm khắc; để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại:

Tại phiên tòa, QTD Qu yêu cầu Nguyễn Tiến L phải bồi thường số tiền theo kết luận giám định 130.757.500.190 đồng là phù hợp, nên được chấp nhận; tuy nhiên, cần phải khấu trừ vào các số tiền đã thu được trong quá trình giải quyết vụ án; cụ thể:

- Số tiền 3.730.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) do Bùi Quang T và Phạm Đức D giao nộp cho Cơ quan điều tra, đã chuyển vào tài khoản cơ quan thi hành án;

- Số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trong Sổ tiết kiệm mang tên Bùi Kim Tr do gia đình bị cáo giao nộp, đã chuyển Sổ tiết kiệm sang cơ quan thi hành án;

- Số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) do Phạm Nhựt Qu nộp ngày 13/9/2019, QTD Qu đang tạm giữ.

- Số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) do Lê Thanh L giao nộp ngày 13/12/2018, QTD Qu đang tạm giữ;

- Số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) do Mai Thị T nộp ngày 29/3/2019, QTD Qu đang tạm giữ.

- Tổng cộng: 4.419.500.000 đồng.

Số tiền bị cáo Nguyễn Tiến L phải bồi thường: 130.757.500.190 đồng - 4.419.500.000 đồng = 126.338.000.190 đồng (một trăm hai mươi sáu tỷ ba trăm ba mươi tám triệu một trăm chín mươi đồng).

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với các tài sản có nguồn gốc Nguyễn Tiến L lấy tiền từ QTD Qu để mua, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; cần phải tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án, thu hồi tài sản cho QTD Qu.

- Đối với các tài sản có nguồn gốc Nguyễn Tiến L lấy tiền từ QTD Qu để mua, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giao dịch giả tạo về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để che giấu cho giao dịch khác; cần phải tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án, thu hồi tài sản cho QTD Qu; đồng thời, đương sự có liên quan có quyền thỏa thuận với QTD Qu về tài sản bị kê biên.

- Đối với các giao dịch mà bên nhận thế chấp để cho vay, nhận chuyển nhượng, nhận mua tài sản từ Nguyễn Tiến L ngay tình, không thể biết được tài sản có được là do L phạm tội mà có thì được bảo vệ quyền lợi; cụ thể:

+ Các ngân hàng đã cho L hoặc doanh nghiệp có liên quan đến L vay tín dụng và nhận thế chấp tài sản;

+ Đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 5, diện tích 158,2m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp Giấy chứng nhận số BA 039493 mang tên Lê Thị Cẩm V. Năm 2013, L cho Lê Thị Cẩm V (vợ L đã ly hôn), mượn số tiền là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) để V nhận chuyển nhượng thửa đất này; sau đó, V đã xây nhà để sử dụng. Năm 2016, V dùng Giấy chứng nhận này, bảo lãnh thế chấp, để L vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ. Tài sản này, ngoài việc phải xử lý nợ đảm bảo cho ngân hàng, còn phải thu hồi 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) cho QTD Qu.

+ Đối với xe ô tô biển số: 60A 122.XX, nhãn hiệu: Ford, số loại: Escape, số máy: L310537406, số khung: RL05SEFAMDAR09508, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 023418 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/11/2013 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (do Nguyễn Tiến L làm Giám đốc). Theo trình bày của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xe này bị cáo L đã bán cho Lê Huỳnh Hồng K và Lê Phạm Trường Ng với giá hơn 620.000.000 đồng, nhưng hai bên chưa kịp tiến hành thủ tục hợp đồng mua bán và sang tên thì L bị bắt. Qua các chứng từ chuyển tiền, thể hiện ông Lê Phạm Trường Ng là người chuyển tiền mua xe cho L và không biết nguồn gốc xe do L chiếm đoạt tiền của QTD Qu. Hiện nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đã ngưng hoạt động và bị cáo Nguyễn Tiến L bị xử lý hình sự trong vụ án này; do đó, công nhận hợp đồng mua bán mà không cần các bên thực hiện hình thức của hợp đồng; đồng thời, công nhận quyền sở hữu chiếc xe cho ông Lê Phạm Trường Ng.

- Các lệnh kê biên của Cơ quan điều tra được xử lý cho phù hợp với các nội dung nêu trên.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Các công cụ, phương tiện liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung công hoặc tiêu hủy theo quy định.

- Các vật chứng liên quan đến việc bảo đảm thi hành án cần tiếp tục tạm giữ.

- Vật chứng thuộc sở hữu của người khác hoặc được công nhận theo quyết định của bản án này được giao trả cho họ.

[6] Nhận định về các nội dung khác có liên quan đến vụ án:

1/ Đối với 02 thửa đất:

- Diện tích đất 4.980m², thửa đất số 43, tờ bản đồ số 26, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận số BM 410069 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 18/4/2012 cho bà Đặng Thị Ánh Qu; cập nhật sang tên Nguyễn Văn S tháng 5/2017; ngày 28/6/2017 bị thu hồi 28,7m², còn lại 4.951,3m²; ngày 29/6/2017, cập nhật chuyển nhượng sang tên Nguyễn Tiến L.

- Diện tích 5.708m², thửa đất số 277, tờ bản đồ số 26, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận số CD 064848 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/6/2016 cho ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Ch; ngày 12/7/2016, cập nhật sang tên bà Đặng Ngọc C; ngày 29/6/2017, cập nhật chuyển nhượng sang tên Nguyễn Tiến L.

Cả 02 thửa đất trên, Lầm thế chấp tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh B, để vay 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng). Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn S cho rằng, mặc dù trên giấy tờ pháp lý là chuyển nhượng trọn thửa, nhưng giữa bên ông S và L có thỏa thuận riêng là trong tổng diện tích 02 thửa nêu trên, có 1.688m² vẫn thuộc quyền sử dụng của bên ông S.

Quan hệ về hợp đồng dân sự chuyển nhượng tài sản nêu trên giữa Nguyễn Tiến L với ông Nguyễn Văn S, bà Tống Thị H và bà Đặng Ngọc C được giải quyết bằng vụ án dân sự khác, khi các bên có yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2/ Đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.542,1m² tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận số BN 210411 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/02/2013 cho ông Vũ Như I và bà Nguyễn Thị Thanh Th, cập nhật chuyển nhượng sang tên Nguyễn Tiến L ngày 20/6/2015. Với danh nghĩa Công ty Trách nhiệm hữu hạn G, L đã thế chấp tài sản trên tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Đ, để vay 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng). Đến tháng 7/2017, L tiếp tục thỏa thuận chuyển nhượng tài sản trên cho Văn Văn Ng với danh nghĩa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V. Tại phiên tòa, ông Văn Văn Ng trình bày đã nhận tài sản trên và đầu tư khoảng 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng). Quan hệ về hợp đồng dân sự chuyển nhượng tài sản nêu trên giữa Nguyễn Tiến L và Văn Văn Ng được giải quyết bằng vụ án dân sự khác, khi các bên có yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3/ Thửa đất số 113, tờ bản đồ số 17, diện tích 48,5m², phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở

hữu nhà ở số 470104038 cấp cho bà Phạm Thị C và ông Phạm Xuân Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đã tự thỏa thuận với nhau, D đã mang 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai, Lê Thanh L đã làm thủ tục chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất; hiện nay, bà Phạm Thị C và ông Phạm Xuân Tr đã đứng tên trên giấy chứng nhận số CQ 568080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/12/2018. Quan hệ này đã được giải quyết xong, nên không đề cập để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4/ Quan hệ sở hữu chung giữa Lê Huỳnh Hồng K và Lê Phạm Trường Ng đối với xe ô tô biển số: 60A 122.XX, được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5/ Đối với những người Nguyễn Tiến L cho vay, mượn bên ngoài và không có hợp đồng như: Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Ngọc Đ..., L có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

6/ Đối với cá nhân, tổ chức đã gửi tiền tại QTD Qu, QTD Qu có trách nhiệm chi trả theo hợp đồng hoặc sổ tiết kiệm.

7/ Đối với khách hàng vay tín dụng tại QTD Qu chưa tất toán xong, QTD Qu có trách nhiệm thu hồi khoản vay theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

8/ Đối với bà Nguyễn Thị Kim Ch có vay tín dụng tại QTD Qu: Kết quả điều tra, lời khai của bị cáo và bị hại tại phiên tòa thể hiện, QTD Qu đang giữ bản chính 02 Giấy chứng nhận số BH 959974 và BD 865917; bà Ch còn nợ QTD Qu 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); bị cáo L trình bày: Tuy đã tất toán hợp đồng với bà Ch và xóa khỏi hệ thống theo dõi của QTD Qu, nhưng vẫn giữ bản chính để nhân viên vẫn tiếp tục thu tiền lãi; đồng thời, bị cáo ký hợp đồng riêng cá nhân với bà Ch về việc cho vay này.

Đối với trường hợp này, QTD Qu có trách nhiệm tiếp tục thu hồi khoản nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã giao kết (trước đây) với bà Ch và quy định của pháp luật.

9/ Đối với bà Mai Thị T và ông Trịnh Văn H, có vay tín dụng tại QTD Qu số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), với hai Hợp đồng vay tín dụng số: 59 và 60/HĐTD/2013, được thế chấp bằng Giấy chứng nhận số BA 664765 diện tích 475,1m² tọa lạc tại ấp N, xã B. Kết quả điều tra xác định bà

T – ông H còn nợ QTD Qu 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, đại diện QTD Qu xác nhận bà T – ông H đã trả xong số nợ trên, nên không đề cập để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

10/ Đối với bà Nguyễn Thị Ánh T, có vay tín dụng tại QTD Qu số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), với 02 Hợp đồng vay tín dụng số: 33 và 34/HĐTD/2013, được thế chấp bằng Giấy chứng nhận số B492971 (mang tên giả là ông Nguyễn Văn L). Quá trình vay, bà T chỉ mới trả cho QTD Qu được một phần, còn nợ lại số tiền 119.165.000 đồng. QTD Qu có trách nhiệm thu hồi khoản vay theo hợp đồng đã giao kết với bà T và quy định của pháp luật. Về Giấy chứng nhận giả, Cơ quan điều tra đã tách ra, tiếp tục điều tra xử lý thành vụ việc khác.

[7] Kiến nghị:

- Căn cứ Kết luận Giám định số: 4526/STC-KLGD ngày 21/8/2019 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định Phạm Nhật QU và Hà Thị Thu Đ là đồng phạm, giúp sức cho Nguyễn Tiến L chiếm đoạt tiền của QTD Qu. Mặc dù, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn xác định Qu và Đ không đồng phạm với L; do đó, kiến nghị Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án theo thẩm quyền, tránh bỏ lọt tội phạm.

- Đối với những người từng tham gia điều hành QTD Qu, có dấu hiệu đồng phạm, giúp sức cho bị cáo Nguyễn Tiến L chiếm đoạt tiền của QTD Qu, bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị bà Huỳnh Thị L và ông Lý Thiện Tr (nghỉ việc vào năm 2012), Phó Giám đốc - Lê Thanh L, Thủ quỹ - Nguyễn Thị H (nghỉ việc vào tháng 5/2015), Thủ quỹ - Trần Thị Kim Ch (làm việc từ tháng 5/2015 đến nay), Ban kiểm soát gồm: Ngô Thị N làm Trưởng ban và các thành viên Ngô Quang Th, Nguyễn Thị H và Trà Phương Th. Những người này, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn xác định không đồng phạm với L; do đó, kiến nghị Viện Kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án theo thẩm quyền, tránh bỏ lọt tội phạm.

- Hiện nay, theo trình bày của đại diện Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Đ tại phiên tòa, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 06 Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở thuộc diện kiểm soát đặc biệt. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cũng

đã thụ lý 03 vụ án hình sự liên quan đến các Quỹ tín dụng: Qu, Th, T, Thanh B và D. Điều này thể hiện, có nhiều Quỹ tín dụng hoạt động không hiệu quả và không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, gây hoang mang cho người gửi tiền và làm giảm niềm tin của người dân; do đó, cần kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng cường công tác quản lý, có các giải pháp khắc phục và hoàn thiện đối với loại hình tín dụng này; đồng thời, kiến nghị Công an tỉnh Đồng Nai và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra, xác minh và làm rõ những cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của các Quỹ tín dụng, nhằm kịp thời xử lý những hành vi vi phạm pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (126.338.000.190 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng} = 122.338.000.190 \text{ đồng}) = 234.338.000 \text{ đồng}$.

[9] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người bào chữa và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và hồ sơ vụ án; đồng thời, tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Đối với phần trình bày của ông Nguyễn Văn M là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L tương đối phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; nên được xem xét, chấp nhận phần phù hợp.

- Đối với phần trình bày của bị hại là phù hợp, nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của ông Nguyễn Văn M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Cẩm V, được Hội đồng xét xử vận động

Ngân hàng Coop-Bank – Chi nhánh Đ; ngân hàng đồng ý xem xét trường hợp của bà V trong quá trình xử lý tài sản thế chấp.

- Đối với phần trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Hình phạt:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 06-12-2017.

2. Biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để bảo đảm thi hành án.

3. Bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng Điều 274; khoản 5 Điều 275 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải bồi thường cho Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở Qu số tiền 126.338.000.190 đồng (một trăm hai mươi sáu tỷ ba trăm ba mươi tám triệu một trăm chín mươi đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở Qu được quyền thụ hưởng các số tiền sau đây:

+ Số tiền 3.730.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) do Bùi Quang T và Phạm Đức D giao nộp cho Cơ quan điều tra, đã chuyển vào tài khoản cơ quan thi hành án;

+ Số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trong Sổ tiết kiệm mang tên Bùi Kim Tr, đã chuyển Sổ tiết kiệm sang cơ quan thi hành án;

+ Số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) do Phạm Nhựt Qu nộp ngày 13/9/2019, QTD Qu đang tạm giữ;

+ Số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) do Lê Thanh L giao nộp ngày 13/12/2018, QTD Qu đang tạm giữ;

+ Số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) do Mai Thị T nộp ngày 29/3/2019, QTD Qu đang tạm giữ.

4. Biện pháp tư pháp, biện pháp cưỡng chế và các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

Áp dụng Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688, các Điều 235, 317, 318, 319, 320, 335, 336, 339, 342, 401 và 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 30, Điều 128 và khoản 2 Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

4.1. Đối với các tài sản giao dịch ngay tình, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

- Liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6598616/HĐTD ngày 07/4/2017 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn G, có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đ; quyết định như sau:

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.

+ Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số: 01/LKB-PA92 ngày 29/3/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BN 210411 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/02/2013 cho ông Vũ Như I và bà Nguyễn Thị Thanh Th; ngày 20/6/2015, cập nhật sang tên Nguyễn Tiến L.

- Liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 180/2017/10440832/HĐTD ngày 10/11/2017 với Nguyễn Tiến L và Lê Thị Cẩm V, có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh B; quyết định như sau:

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.

+ Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số: 02/LKB-PA92 ngày 29/3/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BM 410069 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 18/4/2012 cho bà Đặng Thị Ánh Qu; cập nhật sang tên Nguyễn Văn S tháng 5/2017; ngày 28/6/2017 bị thu hồi 28,7m², còn lại 4.951,3m²; ngày 29/6/2017, cập nhật sang tên Nguyễn Tiến L.

+ Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số: 03/LKB-PA92 ngày 29/3/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số CD 064848 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/6/2016 cho ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Ch; ngày 12/7/2016, cập nhật sang tên bà Đặng Ngọc C; ngày 29/6/2017, cập nhật sang tên Nguyễn Tiến L.

2/ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam:

- Liên quan đến 02 Hợp đồng tín dụng số: DHTC130062/HĐTD ngày 29/8/2013 và NHBL160029/HĐTD ngày 26/12/2016 với Nguyễn Tiến L, có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Đ; quyết định như sau:

+ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.

+ Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số: 04/LKB-PA92 ngày 06/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BA 039493 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/01/2010 cho ông Nguyễn Văn Th và bà Hoàng Thị Ng; ngày 22/6/2011, cập nhật sang tên ông Trịnh Việt Ng và bà Hoàng Thị Thu H; ngày 23/8/2013, cập nhật sang tên bà Lê Thị Cẩm V (là người bảo lãnh thế chấp).

- Liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: DHTC170002/HĐTD ngày 06/01/2017 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, có giao dịch thế chấp kèm

theo, giao dịch tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Đ; quyết định như sau:

+ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.

+ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Đ được tạm giữ 01 xe ô tô và giấy tờ kèm theo phương tiện, để quản lý và xử lý tài sản thế chấp theo quy định; cụ thể: Biển số: 60A - 354.XX, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Santafe, số máy: G4KEGA843925, số khung: 81CDGN005773, theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 050022 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/12/2016 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.

- Liên quan đến các Hợp đồng vay tín dụng với QTD Qu, bao gồm: HT12900029A ngày 03/5/2017, HT12900032A ngày 24/10/2017 và HT12900033A ngày 22/11/2017; Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.

3/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam:

Liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 16640403/2016-HĐTD/NHCT682 ngày 13/4/2016 với ông Ngô Quang Th và bà Nguyễn Thanh H, có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh K. Quan hệ tín dụng này đã được Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2018/QĐST-DS ngày 18/5/2018; quyết định như sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam được quyền yêu cầu thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

- Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số: 25/LKB-PA92 ngày 15/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số: BO 711878 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp ngày 04/12/2013 cho ông Ngô Lê Mạnh H và bà Nguyễn Thị Rắc L; ngày 09/10/2015, cập nhật sang tên Nguyễn Tiến L; ngày 07/4/2016, cập nhật sang tên ông Ngô Quang Th.

4/ Ông Lê Phạm Trường Ng:

- Công nhận quyền sở hữu tài sản cho ông Lê Phạm Trường Ng, đối với 01 xe ô tô biển số: 60A - 122.XX, nhãn hiệu: Ford, số loại: Escape, số máy:

L310537406, số khung: RL05SEFAMDAR09508, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 023418 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/11/2013 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H. Trường hợp này, các bên không cần phải giao kết lại hợp đồng bằng văn bản. Ông Lê Phạm Trường Ng có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện nghĩa vụ tài chính (kể cả phần thuế mà bên bán phải chịu) và đăng ký sang tên mình theo quyết định của bản án này và quy định của pháp luật.

- Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số: 26/LKB-PA92 ngày 16/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 023418 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/11/2013 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.

4.2. Đối với những tài sản có nguồn gốc Nguyễn Tiến L phạm tội mà có, tiếp tục bảo đảm để thi hành án, nhằm khắc phục thiệt hại cho Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở Qu:

1/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 23/LKB-PA92 ngày 15/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số AG 869737 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp ngày 09/3/2007 cho ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị H; ngày 11/10/2012, cập nhật sang tên ông Vũ Sơn L.

2/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 10/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BH 886755 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 24/5/2012 cho ông Lê Thanh L.

3/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 16/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 196473 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Vũ Sơn L.

4/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 09/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 210146 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Lê Thanh L.

5/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 13/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 196472 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Ngô Quang Th.

6/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 15/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 189295 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho bà Ngô Thị Ánh T.

7/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 12/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 189297 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho bà Nguyễn Hà Hồng V.

8/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 11/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 189296 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th.

9/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 14/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BP 103239 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 30/8/2013 cho bà Ngô Thị Ánh D; ngày 29/10/2013, cập nhật thay đổi, tách thành 05 thửa, thửa còn lại đứng tên bà D được chỉnh lý từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 50 thành thửa số 40, tờ bản đồ số 50, diện tích đất 1.051m².

10/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 08/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 210145 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Phạm Nhựt Qu.

11/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 17/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 189298 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho ông Vũ Phi B.

12/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 18/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BP 103241 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 30/8/2013 cho ông Vũ Đại Tr.

13/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 20/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BQ 196474 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho bà Lư Thị Trương V.

14/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 19/LKB-PA92 ngày 09/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BP 103731 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 30/8/2013 cho ông Nguyễn Ngọc Ch.

15/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 05/LKB-PA92 ngày 06/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BU 699716 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Trúc L.

16/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 06/LKB-PA92 ngày 06/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BU 699717 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Trúc L.

17/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số: 07/LKB-PA92 ngày 06/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BU 699718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Trúc L.

4.3. Đối với những người đã vay tiền tại QTD Qu, được Nguyễn Tiến L dùng tiền của chiếm đoạt từ QTD Qu cho mượn, để tất toán hồ sơ vay; sau đó, chuyển sang cho vay ngoài với hình thức hợp đồng giả tạo; quyết định như sau:

1/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án, nhằm khắc phục thiệt hại cho QTD Qu theo Lệnh kê biên tài sản số: 22/LKB-PA92 ngày 15/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số AM 609634 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 02/10/2008 cho ông Bùi Văn C và bà Trần Thị Th; ngày 15/6/2009, cập nhật sang tên bà Lê Thị D; ngày 17/6/2013, cập nhật sang tên ông Châu Hoài V.

Bà Lê Thị D có quyền liên hệ QTD Qu, để thỏa thuận thanh toán số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), cùng lãi suất được tính từ ngày 06/6/2013 đến khi trả xong số tiền trên (hoặc cho đến khi tài sản bị kê biên được thi hành án xong), theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án, nhằm khắc phục thiệt hại cho QTD Qu theo Lệnh kê biên tài sản số: 21/LKB-PA92 ngày 15/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BV 086322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/10/2014 cho ông Lý Thiện Kh và bà Huỳnh Thị Quế A.

Ông Phạm Hồng L và bà Giáp Thị L có quyền liên hệ QTD Qu, để thỏa thuận thanh toán số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), cùng lãi suất được tính từ ngày 17/10/2014 đến khi trả xong số tiền trên (hoặc cho đến khi tài sản bị kê biên được thi hành án xong), theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Tiếp tục kê biên để bảo đảm thi hành án, nhằm khắc phục thiệt hại cho QTD Qu theo Lệnh kê biên tài sản số: 24/LKB-PA92 ngày 15/8/2018 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai; tài sản được thể hiện tại Giấy chứng nhận số BL 655993 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/7/2013 cho ông Trần Gia H; ngày 30/6/2014, cập nhật sang tên ông Ngô Quang Th.

Những người thừa kế của ông Trần Gia H, sinh năm 1974 (chết ngày 25/9/2018) và bà Trương Thị Ngọc Tr, sinh năm 1985 (chết ngày 25/12/2017), có quyền liên hệ QTD Qu, để thỏa thuận thanh toán số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), cùng lãi suất được tính từ ngày 30/6/2014 đến khi trả xong số tiền trên (hoặc cho đến khi tài sản bị kê biên được thi hành án xong), theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.4. Nội dung khác có liên quan:

- QTD Qu có trách nhiệm thu hồi nợ đối với bà Nguyễn Kim Ch, cụ thể: Nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và nợ lãi theo mức đã thỏa thuận trong 03 Hợp đồng vay tín dụng số: 42, 43 và 44/HĐTD/2013; đồng thời, được phép sử dụng tài sản được nêu tại 02 Giấy chứng nhận số BH 959974 và BD 865917 (QTD Qu đang giữ bản chính) để bảo đảm thu hồi nợ.

- QTD Qu có trách nhiệm thu hồi nợ đối với bà Nguyễn Thị Ánh T, cụ thể: Nợ gốc: 119.165.000 đồng (một trăm mười chín triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) và nợ lãi theo mức đã thỏa thuận trong 02 Hợp đồng vay tín dụng số: 33 và 34/HĐTD/2013.

- Đối với cá nhân, tổ chức đã gửi tiền tại QTD Qu, QTD Qu có trách nhiệm chi trả theo hợp đồng hoặc sổ tiết kiệm.

- Đối với khách hàng vay tín dụng tại QTD Qu chưa tất toán xong, QTD Qu có trách nhiệm thu hồi khoản vay theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

5. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Các vật chứng được nêu sau đây đã chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/01/2019; Phiếu nhập: NK190023. Riêng 05 xe ô tô, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai đang tạm gửi lại kho của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai.

5.1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 GOLD, số IMEI 353845087693884 kèm sim.

5.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 Sổ Tiết kiệm số AA 1098379 mang tên Nguyễn Thị Tr.
- 01 Sổ Tiết kiệm số AA 1098380 mang tên Nguyễn Tăng Tr.
- 01 mộc đóng số hiệu Shiny.
- 01 bộ mộc đóng chữ cái hiệu Multi Joint Rubber.

5.3. Giao trả vật chứng:

1/ Giao trả các giấy chứng nhận sau đây cho QTD Qu, để QTD Qu thỏa thuận giải quyết với những người được nêu trong tiểu mục 4.3 Mục 4 phần quyết định của bản án này:

- 01 Giấy chứng nhận số AM 609634 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp ngày 02/10/2008 cho ông Bùi Văn C và bà Trần Thị Th; ngày 15/6/2009, cập nhật sang tên bà Lê Thị D; ngày 17/6/2013, cập nhật sang tên ông Châu Hoài V.

- 01 Giấy chứng nhận số BV 086322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/10/2014 cho ông Lý Thiện Kh và bà Huỳnh Thị Quế A.

- 01 Giấy chứng nhận số BL 655993 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/7/2013 cho ông Trần Gia H; ngày 30/6/2014, cập nhật sang tên ông Ngô Quang Th.

2/ Giao trả các vật chứng sau đây cho QTD Qu được quyền sở hữu và thụ hưởng:

- 01 Sổ Tiết kiệm AB 5602263 mang tên Bùi Kim Tr.
- 01 xe ô tô có biển số: 60A – 155.XX, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Grand I10, số máy: G3LAEM183092, số khung: 51AAFM149886.
- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 007074 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23/9/2014 cho QTD Qu; đối với xe có biển số: 60A - 155.XX.
- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số: 070013078/17, do Công ty Bảo hiểm BIDV M cấp ngày 07/4/2017; đối với xe có biển số: 60A - 155.XX.
- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: KC 2166551, do Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Đồng Nai cấp ngày 22/3/2017; đối với xe ô tô có biển số: 60A - 155.XX.
- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số: 05 0001709/17 do Công ty Bảo hiểm BIDV M cấp ngày 01/10/2017; đối với xe ô tô có biển số: 60A - 155.XX.
- Số tiền 3.730.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng), Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số: 01 ngày 16/01/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

3/ Giao trả các vật chứng sau đây cho ông Lê Phạm Trường Ng được quyền sở hữu, tiến hành các thủ tục để sang tên theo quyết định của bản án này và quy định của pháp luật:

- 01 xe ô tô biển số: 60A-122.XX, nhãn hiệu: Ford, số loại: Escape, số máy: L310537406, số khung: RL05SEFAMDAR09508.
- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 023418 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/11/2013 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; đối với xe có biển số: 60A - 122.XX.
- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: KC 4099925, do Trung tâm

Đăng kiểm xe cơ giới Đồng Nai cấp ngày 02/11/2017; đối với xe ô tô có biển số: 60A - 122.XX.

4/ Giao vật chứng cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Đạm giữ, để quản lý và xử lý tài sản thế chấp theo quyết định của bản án này và quy định của pháp luật:

01 xe ô tô biển số: 60A-354.XX, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Santafe, số máy: G4KEGA843925, số khung: RLUSV81CDGN005773.

5.4. Tiếp tục tạm giữ vật chứng, để bảo đảm thi hành án, thu hồi tài sản, nhằm khắc phục thiệt hại cho QTD Qu:

1/ 01 Giấy chứng nhận số AG 869737 do Ủy ban nhân dân huyện Tr cấp ngày 09/3/2007 cho ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị H; ngày 11/10/2012, cập nhật sang tên ông Vũ Sơn L.

2/ 01 Giấy chứng nhận số BH 886755 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 24/5/2012 cho ông Lê Thanh L.

3/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 196473 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Vũ Sơn L.

4/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 210146 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Lê Thanh L.

5/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 196472 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Ngô Quang Th.

6/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 189295 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho bà Ngô Thị Ánh T.

7/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 189297 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho bà Nguyễn Hà Hồng V.

8/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 189296 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th.

9/ 01 Giấy chứng nhận số BP 103239 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 30/8/2013 cho bà Ngô Thị Ánh D; ngày 29/10/2013, cập nhật thay đổi, tách thành 05 thửa, thửa còn lại đứng tên bà D được chỉnh lý từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 50 thành thửa số 40, tờ bản đồ số 50, diện tích đất 1.051m².

10/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 210145 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho ông Phạm Nhựt Qu.

11/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 189298 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 04/11/2013 cho ông Vũ Phi B.

12/ 01 Giấy chứng nhận số BP 103241 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 30/8/2013 cho ông Vũ Đại Tr.

13/ 01 Giấy chứng nhận số BQ 196474 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 17/01/2014 cho bà Lư Thị Trương V.

14/ 01 Giấy chứng nhận số BP 103731 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 30/8/2013 cho ông Nguyễn Ngọc Ch.

15/ 01 Giấy chứng nhận số BU 699716 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Trúc L.

16/ 01 Giấy chứng nhận số BU 699717 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Trúc L.

17/ 01 Giấy chứng nhận số BU 699718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Trúc L.

18/ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60P- 08XX.

19/ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A- 228.XX.

20/ 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm số BB 0150511.

21/ 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KA 4524526.

22/ 01 xe ô tô biển số: 60P-08XX, nhãn hiệu: Honda, số loại: Civic, số khung: RLHFD1526AY-9022184, số máy: R18A1-5302185.

23/ 01 xe ô tô biển số: 60A-228.XX, nhãn hiệu: Mazda, số loại: 2, số khung: 5YA4FC016069, số máy: D27131ZY.

6. Thi hành bản án:

6.1. Quy định chung:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6.2. Đối với các tài sản giao dịch ngay tình các ngân hàng được xử lý theo theo tiểu mục 4.1 Mục 4 phần quyết định của bản án này:

- Trường hợp tài sản thế chấp phải phát mãi, thi hành án có giá trị lớn hơn khoản nợ ngân hàng phải thu hồi; số tiền còn lại, sau khi trừ các chi phí mà pháp luật quy định, ngân hàng có trách nhiệm giao lại cho QTD Qu thụ hưởng, để thu hồi tài sản và khắc phục hậu quả trong vụ án này.

- Đối với tài sản thế hiện tại Giấy chứng nhận số BA 039493 mang tên Lê Thị Cẩm V, bà V đã dùng tài sản này, bảo lãnh thế chấp, để L vay tiền tại Ngân hàng Co-opBank - Chi nhánh Đ. Tài sản này, được xử lý theo thứ tự như sau:

1/ Ngân hàng Co-opBank được xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng và quy định pháp luật;

2/ Phần còn lại, QTD Qu được thụ hưởng số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) (nếu còn), để thu hồi tài sản và khắc phục hậu quả trong vụ án này;

3/ Phần còn lại tiếp theo, bà Lê Thị Cẩm V được thụ hưởng (nếu còn).

6.3. Đối với các tài sản đã kê biên theo tiểu mục 4.3 Mục 4 phần quyết định của bản án này:

- Trường hợp phải thi hành án thông qua đấu giá, giá trị tài sản thu hồi chỉ được bằng nghĩa vụ mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải thực hiện, số tiền dư còn lại, sau khi trừ các chi phí mà pháp luật quy định, phải được hoàn trả lại cho họ, cụ thể:

+ Bà Lê Thị D phải thanh toán số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), cùng lãi suất được tính từ ngày 06/6/2013 cho đến khi tài sản bị kê biên được thi hành án xong, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Ông Phạm Hồng L và bà Giáp Thị L phải thanh toán số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), cùng lãi suất được tính từ ngày 17/10/2014 đến khi tài sản bị kê biên được thi hành án xong, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Những người thừa kế của ông Trần Gia H và bà Trương Thị Ngọc Tr phải thanh toán số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), cùng lãi suất được tính từ ngày 30/6/2014 đến khi tài sản bị kê biên được thi hành án xong, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên và QTD Qu thỏa thuận được với nhau số tiền phải thanh toán, quyết định như sau:

+ QTD Qu có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản về việc họ đã thi hành xong nghĩa vụ và giao trả lại họ Giấy chứng nhận (mặc dù đang đứng tên người khác thông qua giao dịch giả tạo).

+ Lệnh kê biên liên quan được hủy bỏ.

+ Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai có trách nhiệm công nhận lại quyền sử dụng đất cho họ. Trường hợp này, họ không phải tiến hành giao kết lại hợp đồng về quyền sử dụng đất với những người mà trước đây họ đã ký giả tạo.

6.4. Cản trừ nghĩa vụ:

Trong quá trình thi hành bản án, các số tiền được thu hồi, khắc phục hậu quả cho QTD Qu được cản trừ vào nghĩa vụ mà bị cáo Nguyễn Tiến L phải thực hiện bồi thường theo Mục 3 phần quyết định của bản án này; trừ tài sản thu hồi được nêu tại tiểu mục 4.4 Mục 4 phần quyết định của bản án này.

7. Về án phí:

- Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải nộp 234.338.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Kiến nghị:

- Kiến nghị Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án theo thẩm quyền, tránh bỏ lọt tội phạm đối với những người có dấu hiệu

đồng phạm sau đây: Phạm Nhựt Qu, Hà Thị Thu Đ, Lê Thanh L, Nguyễn Thị H, Trần Thị Kim Ch, Ngô Thị N, Ngô Quang Th và Trà Phương Th.

- Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng cường công tác quản lý, có các giải pháp khắc phục và hoàn thiện đối với loại hình Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở.

- Kiến nghị Công an tỉnh Đồng Nai và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục mở rộng điều tra, xác minh và làm rõ những cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của các Quỹ tín dụng, nhằm kịp thời xử lý những hành vi vi phạm pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (64);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan An ninh điều tra-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-Công an Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các Chi nhánh của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai: B, Tr, C, V và Th (5).
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành